

Tăng Kim ngọc

LỊCH SỬ

LỚP
4

PHỔ THÔNG



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG 1977 <https://tieulun.hopto.org>

LỊCH SỬ

LỚP BỐN PHỔ THÔNG

KỂ CHUYỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM

Từ xưa đến hết thế kỷ 18

(in lại lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG

1976

LỜI NÓI ĐẦU

Theo chương trình mới, ở lớp Bốn, không học lịch sử bằng hình thức tập đọc sử, cũng chưa học lịch sử có hệ thống, mà học lịch sử qua những chuyện kể.

Nội dung học là một số chuyện kể chọn lọc trong những chuyện kể về lịch sử Việt nam từ xưa đến hết thế kỷ 18 và sắp xếp theo thứ tự thời gian.

Chương trình học chia thành bài, mỗi bài gồm một hoặc vài mẫu chuyện tiêu biểu. Mỗi bài hoặc một số bài, thuộc cùng một giai đoạn lịch sử nhất định, còn có một phần giới thiệu ngắn hoặc một đoạn kết luận đơn giản về giai đoạn lịch sử đó. Chuyện kể, lời giới thiệu và kết luận, gộp lại đánh dấu một mốc thời gian nhất định của lịch sử.

Học xong chương trình này, học sinh bước đầu có ấn tượng cụ thể về những sự kiện và những mốc lớn trong lịch sử dựng nước và giữ nước của ta, làm cơ sở để học tốt lịch sử Việt nam có hệ thống ở cấp 2.

Chương trình lịch sử lớp Bốn học trong 34 tiết, kể cả ôn tập và kiểm tra. Mỗi tuần học 1 tiết, mỗi tiết 40 phút.

Trong mỗi tiết học, có bước giáo viên kiểm tra bài cũ, giáo viên kể chuyện lịch sử theo nội dung của bài mới, giáo viên gợi ý và học sinh phát biểu về nội dung, ý nghĩa và bài học của chuyện kể, học sinh tóm tắt ý chính, giáo viên khắc sâu những điểm cơ bản cần ghi nhớ.

Cuốn sách này lần đầu tiên thể hiện tinh thần và nội dung nói trên của chương trình, nên việc chọn lọc chuyện kể cũng như việc sắp xếp trình bày có thể chưa hoàn toàn thích hợp, và còn có thiếu sót. Mong các vị giáo viên trong khi sử dụng, sẽ bỏ khuyết những thiếu sót đó để cho chất lượng bài giảng được nâng cao.

Chúng tôi mong các vị giáo viên cũng như các vị độc giả khác, vui lòng gửi ý kiến nhận xét và bổ sung để chúng tôi để chúng tôi chỉnh lý lại sách trong những lần tái bản sau này, nhằm làm cho chất lượng cuốn sách ngày được nâng cao, phục vụ ngày càng tốt hơn các vị giáo viên và các em học sinh.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG

KÊ CHUYỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM

(Từ xưa đến hết thế kỷ 18)

A — Vài chuyện kể dân gian về lịch sử :

I — CÁC DÂN TỘC ANH EM TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM

BÀI 1

TRÁI BẦU MẸ

Thuở ấy, rất xa xưa trong lịch sử, ở nước ta có một người con trai và một người con gái, nhà rất nghèo đều mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ.

Hai người thường vào rừng kiếm thức ăn. Một hôm gặp một con dúi, liền đuổi theo bắt. Dúi chui vào hang để núp, hai người đào đất lên, bắt được.

Dúi nói lên tiếng người, van xin tha cho và nói thêm :

— Anh chị tha cho tôi, thì tôi cho biết một việc quan trọng này.

— Việc gì thế, mày cứ nói trước đi.

— Trời sắp sập rồi. Sẽ có mưa to làm ngập tạt cả đó.

— Thế biết làm sao bây giờ ?

— Anh chị muốn sống thì hãy lấy một khúc gỗ thật to, đục rỗng bên trong, mang theo thức ăn đủ 7 ngày, rồi vào trong đó mà ở. Nhớ lấy sáp ong bịt kín miệng khúc gỗ lại thành như mặt trống. Qua 7 ngày đêm, anh chị hãy lấy lông nhím chọc thủng sáp ong, nếu không thấy nước rỉ vào thì phá mặt trống mà ra. Thế là sống.

Hai người liền tha cho dúm và ngay tức khắc làm y như lời dúm dặn.

Mưa bắt đầu đổ xuống, mưa to, mưa không ngớt. Nước dâng lên mãi, làm ngập chìm tạt cả. Khúc gỗ như chiếc trống, bồng bồng trên mặt nước suốt 7 ngày đêm, rồi dần dần nằm yên.

Hai người làm theo lời dúm dặn để chui ra. Hóa ra khúc gỗ đang mắc trên ngọn cây. Hai người bầu cành cây xơ xác bần thiu để lặn xuống.

Xuống đến đất, nhìn thấy cảnh hoang tàn vắng lặng, hai người chia nhau đi tìm bà con. Hai người đi hai ngã, đi mãi, băng qua làng xóm điêu tàn. Không một bóng người. Nhưng rồi cuối cùng bỗng thấy đằng xa có ai đi lại. Cả hai người cùng chạy đến, nhưng hóa ra vẫn là hai người đó thôi. Buồn rầu, mệt mỏi, ngồi nghỉ một chốc hai người lại chia tay đi tìm lần nữa, rồi nhiều lần nữa, nhưng vô ích, không còn ai trên «mảnh đất» này nữa !

Mấy con chim còn sống sót, đậu trên cành cây khô, nói lên tiếng người, khuyên hai người kết làm vợ chồng để duy trì nòi giống.

... Người vợ có mang. Bảy năm, bảy tháng, bảy ngày sau, sinh ra một trái bầu. Người chồng muốn đập vỡ, vạt đi. Người vợ không cho và đem gác lên giàn bếp.

Một hôm, đi làm nương về, hai người nghe có tiếng cười đùa trong nhà. Chạy vào thì thấy im bật. Người chồng nhìn quanh quẩn, nhìn lên giàn bếp, áp tai vào trái bầu, nghe có tiếng rầm rì. Đúng là tiếng người. Anh mang xuống, lấy dao định đập vỡ trái bầu, nhưng người vợ sợ chạm vào con, bèn lấy một cành cây, dùi thủng trái bầu. Hai đứa bé chui ra đầu tiên, mình mẩy dính đầy bụi khói, nên đen thui. Hai vợ chồng mừng quá, dùi rộng miệng bầu ra, nhiều đứa bé khác chui ra, bị dính ít bụi khói hơn, nên da chỉ ngăm ngăm. Người vợ lúc này sốt ruột quá, lấy cành cây to hơn, đập vỡ trái bầu, một loạt đứa bé nữa chui ra, lần này không ai bị dính bụi khói cả.

Những người ra đầu tiên, sau này là người Kháng, người Vân kiều, những người ra sau là người Thái, người Tày, người Lự, người Ê-đê, v.v... những người ra sau cùng là người Kinh.

Đó là câu chuyện dân gian Trái bầu mẹ của người Kháng.

BÀI 2

1. HỘT LỬA THẦN

Ngày xưa, ngày xưa, trên đất nước ta có một con chim cắt khổng lồ và một con cua khổng lồ đánh nhau.

Cua bị thua, gãy mắt một càng, tức quá liền lặn xuống biển, hóa phép làm nước biển, nước sông dâng lên tận trời để chìm chết chim cất. Chim bay đi đâu, có chết hay không, chẳng biết, chỉ biết là loài người chết hết.

Nhưng may mắn sao, có hai vợ chồng nhà nọ, rất thông minh tháo vát, thấy nước cứ dâng cao mãi, liền tìm một chiếc thùng gỗ to, mang theo thức ăn và súc vật mỗi loại một đôi, chui vào thùng, mặc cho sóng nước đẩy trôi đi.

Không biết đã qua mấy ngày, bỗng con gà trống trong thùng gỗ, gáy lên rộn rã. Biết là nước đã xuống, hai vợ chồng phá thùng chui ra. Thức ăn đã cạn. Hai vợ chồng nhìn mấy con gia súc thân thiết mà lòng buồn rười rượi. Một chú kiến đen thương tình, tha đền cho hai người một hạt lúa và bảo :

— Lúa trời đây. Gieo đi để có gạo ăn !

Hai vợ chồng gieo hạt lúa xuống đất thì tức khắc, một đám lúa mọc lên, mỗi hạt lúa nứt ra, gạo đủ nấu một nồi cơm, hai người ăn không hết.

Từ đó, hai vợ chồng chăm chút làm ăn, trồng trọt, chăn nuôi quanh năm, gây dựng lại cơ nghiệp của cha ông. Họ sinh được một bảy con. Con cháu ngày càng đông, chia nhau đi làm ăn khắp nơi. Những người lên ở núi rừng, sinh sôi nảy nở ngày càng nhiều, trở thành những người Ba-na, Gia-rai... Những người về đồng bằng sinh sống, trở thành người Việt sau này.

Đó là câu chuyện dân gian **Hạt lúa thần** của dân tộc Ba-na ở Tây nguyên.

2. TRĂM TRÚNG NỮ TRĂM CON

Thuở ấy, cách đây hàng mấy ngàn năm, có Lạc Long Quân, thuộc dòng dõi rồng dưới biển và Âu Cơ thuộc dòng dõi tiên trên trời, lấy nhau, đẻ ra một trăm trứng trong cùng một bọc nở thành một trăm đứa con xinh đẹp.

Ngày qua tháng lại, đàn con đã khôn lớn. Một hôm, Lạc Long Quân bảo vợ là Âu Cơ rằng :

— Ta là dòng dõi rồng, nàng là dòng dõi tiên, ăn ở với nhau lâu dài không được. Chi bằng chúng ta chia đôi số con ra. Nàng đem 50 đứa lên núi, còn ta dẫn 50 đứa xuống biển.

Vợ chồng con cái họp mặt lần cuối cùng, rồi chia tay nhau. Âu Cơ và 50 con lên núi, khai rừng, phá hoang, làm nhà bên bờ suối hoặc trên sườn đồi. Mẹ con sinh sống bằng chim, thú săn được và hạt, củ trong các nương, rẫy.

Lạc Long Quân đem 50 con đi về phía biển. Ở đó, cha con sống bằng nghề chài lưới, rồi sau làm thêm nghề nông, lập thành thôn xóm, làng mạc ngày càng đông đúc.

Con trai trưởng của mẹ Âu được cử làm vua dựng nên nước Văn lang. Ấy là vua Hùng thứ nhất. Rồi 18 đời Hùng cha truyền con nối, kế tiếp nhau trị vì.

Đó là chuyện Trăm trứng nở trăm con của người Việt. Do câu chuyện này, sử sách đời xưa truyền lại rằng dân tộc Việt nam thuộc dòng giống « con rồng cháu tiên ».

Ông cha ta, nhân dân ta còn kể nhiều chuyện có ý nghĩa tương tự như những chuyện trên. Điều này cũng dễ hiểu, vì trong ý nghĩ, tâm tư, tình cảm của mình, những người sống trên dải đất Việt nam này đều tin rằng người Kinh, người Thượng, người thuộc dân tộc này, dân tộc khác trên đất nước ta, đều là anh em một nhà cả.

II — TÔ TIÊN TA SINH SỐNG

Thời Văn lang, tổ tiên ta sống một cuộc sống bình dị, trong lao động sản xuất và trong tình thương yêu, gần bó với nhau. Ông cha ta đã kể lại bao chuyện cổ tích có nhiều tình tiết thú vị, để minh họa cuộc sống phong phú đó. Hai câu chuyện sau đây là những chuyện được truyền tụng nhiều nhất.

BÀI 3

BÁNH CHUNG, BÁNH DÀY

Một ngày xưa ấy, vua Hùng cảm thấy mình tuổi đã già, sức đã yếu, muốn chọn người nối ngôi trị nước sau khi mình chết.

Vua có 22 hoàng tử — con trai của vua — đều đã lớn khôn. Hoàng tử nào cũng có tài. Chọn hoàng tử nào bây giờ, và chọn như thế nào đây ?

Vua đang băn khoăn thì một viên quan hầu khuyên vua nên mở một cuộc thi đặc biệt để chọn người tài lên nối ngôi.

Nhà vua cho gọi tất cả hoàng tử lại và bảo :

— Cha biết cha đang gần đất xa trời. Cha muốn truyền ngôi cho con nào có tài. Mỗi con hãy cố tìm kiếm hoặc làm một món ăn gì mới lạ để cúng tổ tiên. Con nào có món ăn vừa ý cha nhất sẽ được chọn nối ngôi cha.

Nghe vua cha nói xong, các hoàng tử đua nhau cho người đi khắp đó đây trên đất nước để tìm tòi của ngon vật lạ. Họ lần mò trên rừng dưới biển, không sót nơi thâm sơn cùng cốc nào. Nghe nói có thức ăn gì ngon, lạ, quý, dù phải tốn kém bao nhiêu, họ cũng không ngần ngại đổi mua cho được, để đem về cho hoàng tử của họ.

Riêng Lang Liêu, hoàng tử thứ 18, mồ côi mẹ từ thuở nhỏ, nhưng Liêu được sống với bà con làng xóm, nếm đủ mọi thức ăn giản dị của nhân dân. Trong khi các hoàng tử khác cùng người ở chạy vạy khắp nơi xa xôi hiểm trở, thì Liêu hoặc gác tay lên trán suy nghĩ, hoặc lân la hàng xóm láng giềng xem các món ăn. Liêu thấy rằng thức ăn quý nhất trên trần gian này là gạo. Liêu nảy ra ý định làm hai thứ bánh, một tượng trưng cho đất, một tượng trưng cho trời.

Bánh tượng trưng cho đất thì hình dáng phải vuông vắn. Đất có cây cỏ, đồng ruộng núi rừng, thì màu phải xanh, nên bánh phải gói bằng lá cây xanh. Bánh làm bằng gạo nếp. Trong bánh phải có thịt, có đậu vì đất có cảm thú, cỏ cây.

Bánh tượng trưng cho trời thì màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời. Cũng dùng nếp mà làm, nhưng đồ lên và giã ra cho dẻo để nặn thành bánh.

Ngày thi món ăn sắp đến. Hàng xóm láng giềng kéo sang, mỗi người một tay, giúp Liêu làm hai thứ bánh đó, vừa kịp sáng hôm sau đưa ra dự thi.

Các hoàng tử anh em đem dâng lên nhà vua những món ăn sang trọng, mới lạ, như nem công, chả phượng, tay gầu luộc, gân tê hầm, v.v . . . Riêng Lang Liêu dâng lên vua cha hai thứ bánh ngon lành trên chiếc mâm gỗ. Nhưng khi nếm đến hai thứ bánh này, vua vừa lấy làm hài lòng, vừa tỏ vẻ ngạc nhiên. Liêu cứ thực tình tâu lên nhà vua sự suy nghĩ và tìm tòi của mình. Vua cha nghe xong hết sức khen ngợi.

Quá trưa hôm ấy, vua Hùng phán truyền rằng hoàng tử thứ 18 được giải nhất và sẽ được nối ngôi vua.

Vua nói :

— Hai thứ bánh giản dị này chẳng những ăn ngon dễ làm mà còn mang một ý nghĩa đặc biệt nữa. Nó chứng tỏ tâm lòng hiếu thảo của người con coi công ơn cha mẹ như trời như đất. Phải là người có tình cảm với đồng ruộng quê hương mới nghĩ ra cách làm các loại bánh đó.

Từ đó, trong khắp đất nước Việt nam ta, một tục lệ đã hình thành : hàng năm, cứ sắp đến ngày tết Nguyên

đán, mọi nhà đều làm hai thứ bánh đó để cúng tổ tiên và để ăn trong dịp tết. Hai thứ bánh đó được gọi là **bánh chưng** và **bánh dày**.

III — TÔ TIÊN TA DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

Thời vua Hùng, tổ tiên ta bắt đầu dựng nước, phải đầu tranh gian khổ chống thiên nhiên như chống lũ lụt và nhiều thiên tai khác. Đồng thời tổ tiên ta phải đổ bao xương máu để giữ nước và trong sự nghiệp này đã biết tập hợp đoàn kết lại và tỏ ra có nhiều tài trí.

BÀI 4

THÁNH DÓNG

Đời Hùng Vương thứ 6, có bọn giặc Ân rất hung bạo, từ phương Bắc kéo sang quây nhiễu nhân dân ta. Trong nước lúc ấy không có ai cầm quân đánh nổi giặc. Vua bèn sai sứ đi rao khắp thiên hạ, tìm người tài giỏi ra cầm quân cứu nước.

Bây giờ, ở làng Phù đồng thuộc Bắc ninh có một bà mẹ sinh được một người con trai, đã lên 3 tuổi mà chẳng nói, chẳng cười, cả ngày cứ nằm yên trên chõng đá.

Hôm ấy nghe tiếng mõ đánh và lời rao cầu người tài chõng giặc theo lệnh nhà vua, chú bé bỗng ngồi dậy, cười cười nói nói, chú bảo mẹ ra mời sứ vào. Chú bé nói với sứ :

— Người hãy về tâu với nhà vua, sắm cho ta một cái nón sắt, một bộ giáp sắt, một cái roi sắt và một con ngựa sắt thật cao lớn. Ta sẽ đánh tan giặc.

Sứ về tâu với vua. Vua lấy làm lạ, nhưng vẫn truyền lệnh cho triều đình phải cho làm ngay những thứ mà chú bé đòi hỏi.

Người ta cho gọi tất cả thợ rèn lại, đem sắt ở khắp nơi đến, làm lò rèn đúc suốt mấy đêm ngày.

Chú bé từ lúc biết nói, biết đi, thì ăn khỏe một cách phi thường, ăn liền một lúc hết :

« Bảy nong cơm, ba nong cà.

Uống một hơi nước, cạn đà khúc sông ».

Bao nhiêu gạo, cà, nhân dân mang đến cho chú đều ăn hết và lớn lên như thổi.

Khi sứ đem nón sắt, giáp sắt, roi sắt và ngựa sắt đến, thì chú vươn vai đứng dậy, người cao lớn lạ thường. Chú mặc giáp, đội nón, cầm roi, nhảy lên ngựa sắt. Chú trở thành một viên tướng oai phong lẫm liệt, đánh ngựa phun ra lửa, phi thẳng đến chỗ giặc đóng.

Một luồng phân khởi, một khí thế chưa từng có, lan ra khắp vùng. Người dân cày, người đánh cá, người

đi săn, những cụ già, những chàng trai, những cô gái, những trẻ chăn trâu... tất cả ào ào xông lên, quyết sống chết với quân cướp nước.

Mọi người đi đến đâu giặc chết đến đó, thây phơi như rạ. Roi sắt bị gãy, viên tướng phải nhổ tre ngà bên đường, quật xuống đầu giặc.

« Đưa thì sứt mũi, sứt tai,

Đưa thì chết xóc vì gai tre ngà ».

Đánh đuổi đến chân núi Sóc sơn (thuộc Vĩnh phú), thì giặc không còn một mòng. Diệt xong lũ giặc cướp nước, viên tướng tài cưỡi ngựa bay thẳng lên trời.

Nhà vua và nhân dân nhớ ơn, lập đền thờ tại làng Phù đồng, còn gọi là làng Dóng, và tôn vị anh hùng đó là **Thánh Dóng**, là **Phù đồng thiên vương**.

Hàng năm, cứ đến ngày mồng 8 tháng 4 âm lịch, thì có ngày hội ở đền Dóng để tưởng nhớ đến người anh hùng dân tộc, tiêu biểu cho tinh thần, khí thế chống ngoại xâm của tổ tiên ta.

BÀI 5

SƠN TINH, THỦY TINH

Vua Hùng Vương thứ 18 có một người con gái rất đẹp tên gọi là **Mỹ nương**. Hoàng tử nhiều nước và nhiều vị thần đã tỏ ý cầu hôn, nhưng chưa ai thành công. Một hôm, có hai vị thần trẻ, có uy thế nhất vùng, cùng đến

hỏi Mỹ nương làm vợ. Một vị là Sơn Tinh (Thần núi), một vị là Thủy Tinh (Thần nước). Thấy hai thần đến một lúc. Hùng Vương lầy làm khó xử, bèn bảo cả hai bên thi tài, để vua kén rể. Vua nói chưa dứt lời, Sơn Tinh đã hóa phép dời núi, đổ cây, phá rừng, vung đất ; còn Thủy Tinh thì hóa phép nhả mây, tuôn gió, nổi sóng, phun mưa. Tất cả làm cho quanh vùng rung chuyển. Thấy hai thần đều giỏi, vua mới phán rằng :

— Hai vị đều tài giỏi, mà ta chỉ có một người con gái. Vậy thì rạng ngày mai, hễ ai mang được của lạ, vật quý đến trước làm lễ hỏi, thì ta gả cho.

Mờ sáng hôm sau, Sơn Tinh đem đến dâng nhà vua bạc vàng, châu báu cùng với voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, v.v . . . Hùng Vương cả mừng, nhận lễ vật và cho Sơn Tinh đón công chúa về làm vợ. Thần đưa công chúa về núi Tản viên (thuộc Hà tây). Thủy Tinh cũng đưa đến hàng trăm thứ trên châu, đổi mới, san hô cùng các giống tôm cá đặc biệt, nhưng vì đến chậm, không lấy được vợ.

Thủy Tinh nổi giận đùng đùng, hóa phép làm mưa to, gió lớn, dâng nước đuổi theo Sơn Tinh, đến tận chân núi Tản viên, hòng cướp công chúa về. Sơn Tinh ở trên núi, hễ thấy nước dâng cao bao nhiêu, lại hóa phép làm núi cao bấy nhiêu, lại sai các loài hùm, beo, voi, gấu . . . bẻ cây còi, chuyển đất đá ném ầm ầm xuống nước làm cho các loài ba ba, thuồng luồng, . . . chết, xác nổi lênh bênh. Thủy Tinh đánh mãi không thắng, hết sức, phải rút về.

Tuy bị thất bại, nhưng Thủy Tinh vẫn chưa chịu từ bỏ ý định chiếm Mỹ nương nên cứ hàng năm lại dâng nước lên đánh Sơn Tinh. Mỗi lần hai bên đánh nhau thì

trời mưa to gió lớn, sấm chớp ầm ầm, nước sông lên cao, có khi ngập cả ruộng đồng. Nhưng lần nào, cuối cùng Thủy Tinh cũng thất bại.

Chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh là một thiên anh hùng ca, ngợi ca người dân Văn lang đánh thắng nạn hồng thủy và những vụ lũ lụt hàng năm, giành giữ những mảnh đất màu mỡ ven sông để duy trì và phát triển đời sống.

BÀI 6

MỸ CHÂU, TRỌNG THỦY

Tục truyền rằng sau đời Hùng Vương là nhà Thục. Thục Phán lên làm vua, xưng là An Dương Vương, đổi tên nước Văn lang là Âu lạc.

Khi An Dương Vương xây thành Cổ loa (nay ở ngoại thành Hà nội) làm nơi đóng đô, thì có loài yêu quái hiện lên quây nhiễu, thành xây lên sập xuống mãi không xong.

An Dương Vương lập đàn cầu khấn trời đất. Thần Kim Quy (Rùa vàng) hiện lên, bày cho vua phép trừ yêu quái, nhờ đó nhà vua xây được thành.

Thành xây xong, thần lại cho vua một cái móng chân dùng làm lẫy nỏ. Lúc nào giặc đến, chỉ đem nỏ có lẫy ấy ra bắn một phát, sẽ có hàng vạn mũi tên bay ra, làm tan ngay quân giặc.

Có thành kiên cố, lại có nỏ thần, An Dương Vương yên tâm xây dựng đất nước khá phồn vinh.

Bây giờ chúa đất Nam Việt ở phía bắc nước ta là Triệu Đà, mấy lần đem quân sang xâm lược Âu lạc, nhưng đều bị thua vì An Dương Vương có Loa thành vững chắc, lại có nỏ thần lợi hại. Triệu Đà liền dùng kế cầu thân, cho con trai là Trọng Thủy sang cầu hôn với công gái An Dương Vương là công chúa My Châu. An Dương Vương bằng lòng, tưởng gả con gái cho giặc là hai nước sẽ hòa hảo và ngôi vua được yên. Trọng Thủy xin sang ở gửi rể.

Trọng Thủy lân la hỏi dò vợ, biết vua cha có nỏ thần lợi hại. Chàng lợi dụng tình yêu của vợ, năn nỉ đòi xem chiếc nỏ. Nể lời và tin chồng, My Châu lấy nỏ ra cho chồng xem và tiết lộ cho chồng cái bí mật của nỏ.

Trọng Thủy tìm cơ về nước, thuật lại cho Triệu Đà hay. Triệu Đà cho làm một chiếc lẫy nỏ giả, giống hệt như lẫy nỏ thần, rồi giao cho Trọng Thủy đem sang Âu lạc. Thừa lúc vua cha say rượu, My Châu không để ý, Trọng Thủy đánh cắp lẫy nỏ thần rồi thay lẫy nỏ giả vào. Xong Trọng Thủy tạm biệt vợ, nói dối là về nước thăm cha.

Triệu Đà cất quân sang đánh An Dương Vương. Nhà vua cậy có nỏ thần, không để phòng gì cả. Giặc đến sát chân thành, vua mới sai đem nỏ thần ra bắn. Nhưng nỏ thần không còn hiệu nghiệm nữa. Không cách gì chống nổi địch, vua hoảng hốt lên ngựa chạy trốn, mang theo My Châu phía sau yên ngựa. Chạy đến núi Mộ dạ (thuộc Diễn châu, Nghệ an, gần biển), bỗng thầy thần Kim Quy hiện lên.

An Dương Vương kêu to :

— Xin Thần ngăn giặc cứu tôi với !

Thần Kim Quy bảo :

— Giặc ở sau lưng nhà vua đó !

Vua ngoảnh lại nhìn, chẳng thấy ai cả, ngoài My Châu, con gái yêu của mình.

Thần lại nói :

— Giặc ở ngay sau lưng nhà vua đó !

An Dương Vương chợt hiểu, xót xa nhưng nổi giận, rút gươm chém chết My Châu, rồi nhảy xuống biển tự tử.

An Dương Vương chết, nước Âu lạc bị mất vào tay Triệu Đà, nhân dân ta bắt đầu sống một cuộc đời nô lệ hàng thù.

Nhà thơ Tồ Hữu, đã tóm tắt câu chuyện trên, nói lên một bài học lịch sử lớn lao, trong 4 câu thơ :

« Tôi kể ngày xưa chuyện My Châu :

Trái tim lầm chỗ để trên đầu,

Nỏ thần vô ý trao tay giặc,

Nên nỗi cơ đồ đắm biển sâu !

B — Chuyện lịch sử :

IV — ĐẤU TRANH BẤT KHUẤT SUỐT MỘT NGÀN NĂM

BÀI 7

HAI BÀ TRUNG PHÁT CỜ KHỞI NGHĨA

Thuở ấy, bọn quan lại nhà Hán cai trị nước ta. Chúng bóc lột nhân dân ta rất tàn nhẫn. Mọi người phải thay

phiên nhau lên rừng tìm ngà voi, sừng tê, lông trăn . . . , hoặc xuống biển mò ngọc trai nộp cho chúng.

Chúng còn bắt nhân dân ta phải ăn mặc như người phương Bắc, lấy vợ lấy chồng theo lễ giáo phong kiến nhà Hán. Người trong nước ai cũng căm ghét chúng.

Thời ấy, ở huyện Mê linh (thuộc Phúc yên), một gia đình lạc tướng dòng dõi Hùng Vương, có hai người con gái tên là **Trưng Trắc** và **Trưng Nhị**. Trưng Trắc là một phụ nữ đảm đang, dũng cảm và mưu trí. Chồng bà là Thi Sách, con trai lạc tướng Chu diên (thuộc Sơn tây), cũng là một người yêu nước, có chí khí quật cường. Hai gia đình lạc tướng này, với sự đồng tình của nhiều người trong vùng, đang cùng nhau mưu toan việc lớn, đuổi giặc cứu nước.

Cai trị quận Giao chỉ (tức nước ta bây giờ) là tên thái thú Tô Định, hết sức tham tàn, bạo ngược. Ý bắt giết Thi Sách hòng bóp nghẹt sự chống đối.

Để «đền nợ nước, trả thù nhà» mùa xuân năm 40, Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị, phát cờ khởi nghĩa. Dân chúng khắp nơi theo rất đông, đặc biệt là có rất nhiều phụ nữ. Nghĩa binh mang theo gươm sắc, giáo dài, có khi chỉ có gậy tre, đòn xóc, nhưng khí thế thật là hào hùng.

Từ Mê linh, quân Hai Bà tiến đánh Luy lâu (thuộc Bắc ninh). Mỗi lần ra trận, Hai Bà cưỡi voi đi trước, nghĩa quân ào ạt xông lên. Quan lại nhà Hán, kẻ bị giết, kẻ bỏ trốn. Tô Định hoảng sợ, bỏ thành trì, ăn tén, cải trang để quân ta khó nhận mặt rồi lên trốn về nước. Không đầy một năm, quân Hai Bà Trưng đã thu được «65 thành trì».

Trưng Trắc được nghĩa quân tôn lên làm vua, gọi là Trưng Vương, đóng đô ở Mê linh, nơi quê nhà.

Ba năm sau nhà Hán sai Mã Viện, một võ tướng có kinh nghiệm, đem 2 vạn quân và 2 ngàn xe, thuyền sang xâm lược lại nước ta. Trưng Vương cùng các tướng kéo quân đến Lãng bạc (thuộc Bắc ninh) đón đánh địch. Quân ta chiến đấu rất dũng cảm, nhưng không chống nổi với quân Mã Viện. Trưng Vương phải lui quân về Cầm Khê (thuộc Vĩnh phú). Sau vì sức yếu, quân tan vỡ, Hai Bà đã hy sinh. Bấy giờ là ngày mồng 6 tháng 2 âm lịch (năm 43).

Để tưởng nhớ lòng yêu nước, chí khí bất khuất của hai vị nữ anh hùng đầu tiên của dân tộc, nhân dân đã lập đền thờ Hai Bà ở nhiều nơi (Hát môn — Sơn tây, Đồng nhân — Hà nội . . .).

BÀI 8

TRIỆU THỊ TRINH ĐÁNH ĐUÔI GIẶC NGÔ

« Ai qua Nông công tỉnh Thanh

Dừng chân nhớ Triệu Thị Trinh anh hùng »

Khoảng 200 năm sau Trưng Trắc, Trưng Nhị, một cô gái 19 tuổi, có sức khỏe lạ thường, lại rất dũng cảm, mưu trí, và có chí lớn khác người, đã đứng lên cầm đầu một cuộc khởi nghĩa chống bọn đô hộ nhà Ngô. Đó là **Triệu Thị Trinh**.

Cha mẹ Triệu Thị Trinh mất sớm. Anh là Triệu Quốc Đạt nổi nghiệp nhà, làm thủ lĩnh vùng núi Nưa (Nông công — Thanh hóa).

Bây giờ đất nước ta và nhân dân ta đang rên xiết dưới ách giặc Ngô xâm lược. Hàng năm, giặc Ngô bắt nhân dân ta nộp công hàng ngàn tấm vải vóc và biết bao sừng tê, ngà voi, đồi mồi, lông trẩu, ngọc châu cùng hoa trái quý lạ. Dân chúng căm phẫn, các thủ lĩnh cũng rất bất bình. Triệu Thị Trinh bàn cùng anh lên núi Nưa dựng lá cờ nghĩa, chiêu mộ binh mã, chống lại giặc Ngô. Có người khuyên bà nên lấy chồng hơn là « làm loạn », bà khẳng khái trả lời :

— Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, đem lại giang sơn, cờ ách nô lệ, dựng quyền độc lập, chứ tôi đâu chịu khom lưng làm tỳ thiếp người ta !

Sách xưa tả lại rằng : Bà Triệu thường mặc áo giáp vàng, đi guốc ngà, cưỡi voi mà chiến đấu, oai phong lẫm liệt. Giặc Ngô nhiều phen phải kinh hồn bạt vía. Chúng tôn bà là « vua bà » (Lệ hải bà vương) và tự thú nhận :

« Cầm ngang ngọn giáo chồng hồ dễ

Giáp mặt vua bà thực khó ghê ».

Triệu Thị Trinh đã cùng anh đánh thắng quân Ngô nhiều trận lớn, nhân dân khắp vùng hưởng ứng khí thế ngày càng cao. Sau Triệu Quốc Đạt chết, bà được nghĩa quân tôn làm chủ tướng và xưng là Nhụy Kiều tướng quân.

Nghĩa quân lại đánh thắng nhiều trận nữa, giết chết thứ sử Giao châu. Nhà Ngô lo sợ, cử tướng Lục Dận

đem 8 000 quân sang cứu bọn đô hộ. Lục Dận là một tên tướng nham hiểm. Sau khi bị thua liểng xiểng, y dùng cách mua chuộc, dọa dẫm, dụ hàng các thủ lĩnh người Việt và ra sức đàn áp dân chúng. Trong trận cuối cùng, Triệu Thị Trinh cùng quân lính bị quân giặc vây riết quá. Bà tự tử để giữ tròn khí tiết.

Ngày nay, ở thôn Phú điển (Hậu lộc, Thanh hóa), cạnh đường số 1, còn có ngôi đền thờ Bà Triệu và trên núi Tùng phía trước đền, còn lăng mộ của Bà.

Trong nhân dân ta còn lưu truyền câu ca dao :

« Ru con con ngủ cho lành

Đề mẹ gánh nước rửa bành con voi.

Muốn coi lên núi mà coi

Có bà Triệu tướng cưỡi voi đánh công ».

BÀI 9

TRIỆU QUANG PHỤC GIỮA ĐÀM LẦY 4 NĂM CHỐNG ĐỊCH

Khoảng 300 năm sau thời oanh liệt của Bà Triệu, một người yêu nước, thương dân, văn hay, võ giỏi, tên là Lý Bí (Lý Bôn) đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy quét sạch lũ đô hộ nhà Lương, dựng nên nước Vạn xuân độc lập. Nhưng một năm sau, giặc Lương trở lại xâm lược nước ta. Sau một thời gian chống với địch, Lý Bí phân

bị thua trận, phần bị bệnh, phải lui vào miền núi Tam đảo. Ông trao quyền chỉ huy quân sự cho **Triệu Quang Phục** một viên tướng trẻ có tài và được quân sĩ mến phục.

Lúc này, lực lượng địch đang rất mạnh. Tính sao đây để cứu nước cứu nhà? Sau nhiều đêm suy nghĩ, Triệu Quang Phục thấy rằng nếu cứ giữ lối đánh dàn thành trận địa như trước, trong khi lực lượng ta yếu hơn địch, thì chẳng bao lâu nữa, quân ta sẽ bị tiêu diệt. Ông bèn lui binh, về giữ vùng đầm lầy ở Chu diên, là chôn quê nhà (vùng Khoái châu, Hải hưng).

Đây là một cái đầm rộng, lau sậy mọc rậm rạp, bao bọc kín mít, giữa đầm lầy có bãi phù sa nổi, có thể cày cấy để sinh sống được. Xung quanh bãi là bùn lầy, có vài con lạch nhỏ chảy xuyên qua. Với địa thế hiểm yếu như trên, bãi sậy, đầm lầy đã ôm gọn hơn một vạn nghĩa binh vào lòng.

Chủ tướng là người Chu diên, nghĩa quân phần đông cũng là dân quê quanh vùng, nên họ rất thông thạo đường đi lối lại trong đầm. Nghĩa quân đóng trại ở bãi giữa, dùng thuyền nhỏ để giao thông với bên ngoài. Ban ngày, họ phát bờ làm ruộng để có lương ăn. Khói bếp bật hần, nên từ xa kẻ địch không sao nhận thấy được trại nghĩa quân. Đêm đến, lợi dụng bóng tối và sương mù, nghĩa quân nhóm bếp nấu cơm, phần ăn, phần gói cho hôm sau. Và sau đó, trên những con thuyền nhẹ, Triệu Quang Phục kín đáo xuất quân, đánh úp các trại giặc vây quanh khu căn cứ. Cứ như vậy, với lối đánh «ngay ẩn tối ra», nghĩa quân đã diệt rất nhiều quân địch,

lấy được nhiều lương thực và khí giới. Triệu Quang Phục càng đánh, lực lượng càng mạnh. Nhân dân tặng cho ông biệt hiệu **Dạ trạch vương** (vua đầm đêm).

Sau một năm rưỡi trời ẩn tránh, Lý Bí mất. Triệu Quang Phục chính thức xưng vua, tức là **Triệu Việt Vương**.

Lại hai mùa xuân nữa trôi qua... Thề là nghĩa quân đã duy trì được lực lượng và giữ vững được khu căn cứ Dạ trạch trong 4 năm ròng. Tướng chỉ huy quân giặc là Trần Bá Tiên rất nản lòng, vì âm mưu cắt đứt đường tiếp viện và làm mòn mỏi nghĩa quân, đã không thực hiện được. Lúc này ở Trung quốc đang có loạn to, Trần Bá Tiên kéo đại quân về, chỉ để mấy viên tướng ở lại cầm quân chống nhau với Triệu Quang Phục. Thề địch suy yếu đi rõ rệt. Triệu Quang Phục liền dốc toàn lực, từ căn cứ Dạ trạch đánh thốc ra, quân giặc tan vỡ, kéo chạy về Bắc.

Đất nước Vạn xuân trở lại thanh bình, nền độc lập dân tộc lại được khôi phục và củng cố.

BÀI 10

DÂN NGHÈO THEO VUA ĐEN KHỞI NGHĨA

Ở làng Mai phụ, miền biển huyện Thạch hà, Hà tỉnh có một đứa bé sinh ra mặt mày đen sì, tên là **Mai Thúc Loan**.

Từ lúc lọt lòng, Loan đã chịu cảnh đói khổ. Ngày mùa, mẹ phải đi làm thuê làm mướn. Ngày ba tháng tám, mẹ phải vào núi kiếm củi về bán. Ăn uống thiếu thốn, nhưng chú bé vẫn lớn nhanh như thổi. Mới lớn lên, chú đã phải theo mẹ vào rừng hái củi, rồi sau phải đi ở cho nhà giàu, chăn trâu, cày ruộng. Loan rất sáng dạ. Nhà nghèo không được đi học, nhưng chỉ thoáng nghe người ta học bài, thầy người ta viết chữ là đã thuộc bài và biết chữ ngay. Sức Loan lại rất khỏe, nổi tiếng giỏi vật cả một vùng. Vì chăm làm việc và hay giúp đỡ mọi người nên Loan được dân làng hết sức yêu mến.

Bấy giờ, nước Vạn xuân lại bị bọn quan quân nhà Đường sang xâm chiếm và cai trị vô cùng tàn bạo. Quan lại nhà Đường vor vét đủ thứ: lúa, tiền, tơ lụa, cau, vải, nhãn, chuối tiêu, sừng tê, ngà voi, mật trăn, da cá... Dân Mai phụ chuyên làm muối, thì phải nộp thuế và bán muối cho bọn đô hộ chứ không được tự do bán đổi. Trai tráng phải đi phu và bị đánh đập dã man. Nhân dân ta ngày đêm nung nấu lòng căm hờn đối với bọn quan quân tàn bạo.

Một hôm, trời nóng bức, Mai Thúc Loan cùng đoàn phu đi gánh trái vải nộp cho bọn quan đô hộ. Giữa đường dân phu mỏi chân, khát nước, Loan bảo dân phu dừng chân nghỉ và lấy vải ăn. Trong không khí bức bối, uất ức chung, Loan vừa bóc trái vải ăn, vừa kể tội, chửi mắng bọn đô hộ. Mỗi người góp một ý, thêm một lời, cuối cùng tất cả đều đồng tình nghe theo lời Mai Thúc Loan, gánh vải trở về không chịu nộp cho quan lại nhà

Đường nữa. Họ đồng lòng theo Loan nổi dậy trừng trị và đánh đuổi bọn cướp nước. Các phường sản quanh vùng cũng bị áp bức bóc lột như dân cày, liền hưởng ứng, kéo đến tụ tập dưới cờ nghĩa của họ Mai. Thế lực nghĩa quân dần dần mạnh lên.

Mai Thúc Loan chọn vùng rừng núi cạnh sông Lam lập thành căn cứ chông giặc. Trên núi Hùng có doanh trại lớn và voi trận. Trong thung lũng là các kho cất giữ lương thực và khí giới. Dọc sông có thành Vạn an. Xung quanh núi là một hệ thống đồn trại nương tựa lẫn nhau. Nghĩa quân gồm cả quân bộ, quân thủy và quân voi. Mai Thúc Loan tự xưng hoàng đế và đóng đô ở đó. Sử gọi ông là Mai Hắc Đế (vua Đen họ Mai).

Khi đã có hàng vạn quân trong tay và được sự hưởng ứng của nhân dân khắp nơi, Mai Hắc Đế nhanh chóng đánh chiếm Châu Hoan (Nghệ Tĩnh), tiến quân ra Bắc vây hãm phủ thành đô hộ bấy giờ là Tống bình (vùng Hà nội ngày nay). Tên quan cai trị phải bỏ thành chạy trốn.

Người thời sau, nhớ tới sự nghiệp hiển hách của vị Vua Đen anh hùng, đã làm bài thơ ca ngợi, dịch là:

*Châu Hoan riêng một bầu trời,
Vạn an thành lũy muôn đời lửa hương
Tiếng hô hưởng ứng bốn phương
Uy danh trăm thắng, nhà Đường phải kinh
Sông Lam trắng lập sóng kinh
Núi Hùng gió đã bạt hình sói lang.
Vải ngon thôi công vua Đường
Ơn sâu trăm họ nhớ thương đời đời !*

NGÔ QUYỀN PHÁ QUÂN NAM HÁN TRÊN SÔNG BẠCH ĐẰNG

Vào đầu thế kỷ thứ 10, Khúc Thừa Dụ rồi Dương Đình Nghệ đã dần dần giành được quyền độc lập cho đất nước ta.

Ngô Quyền, người làng Đường lâm (Hà tây), có sức khỏe, nhiều mưu trí, là một tướng giỏi và là con rể của Dương Đình Nghệ.

Khi nghe tin Dương Đình Nghệ bị một tướng của mình là Kiều Công Tiễn giết chết để cướp quyền, Ngô Quyền liền kéo quân đến quyết trị tội tên phản bội. Kiều Công Tiễn hoảng sợ, sai sứ sang dứt lốt của cải cho vua Nam Hán để xin cứu giúp. Được dịp tốt để xâm lược nước ta, vua Nam Hán phong con là Hoảng Thao làm vua Giao châu, đem quân theo đường biển sang đánh ta. Còn vua Nam Hán thì tự cấm quân, đóng ở gần biên giới, sẵn sàng tiếp ứng cho Hoảng Thao.

Trước tình hình đó, Ngô Quyền hành động rất nhanh chóng. Được quân sĩ và nhân dân đồng tình và ủng hộ, Ngô Quyền hạ ngay kinh thành Đại la, giết chết tên bán nước Kiều Công Tiễn để trừ mối họa bên trong. Xong, Ngô Quyền cùng tướng tá và mưu sĩ bàn kế phá giặc.

Thăm tứ về báo là địch đang hành quân trên mặt biển, dự định sẽ vào nước ta theo đường sông Hồng,

và cấm quân trực tiếp là tướng Hoảng Thao. Ngô Quyền nhận định rằng :

— Hoảng Thao là một tướng trẻ, hung hăng nhưng non dại. Quân địch từ xa đến, đã mệt mỏi, nay nghe tin Kiều Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, tất đã hoang mang. Quân ta đang mạnh, đang hăng, tất phá được quân địch mệt mỏi. Song chúng có lợi thế là có nhiều chiến thuyền lớn. Nếu ta không liệu trước, thì việc được thua khó mà nói được. Ta thấy nên đem cọc lớn đóng ngầm ở cửa biển. Thuyền chiến của địch, nhân lúc nước triều lên, sẽ tiến vào bên trong hàng cọc, bấy giờ ta sẽ dễ bề đối phó. Không kể gì hơn kẻ này cả.

Cùng tướng tá và mưu sĩ nghiên cứu kỹ đường tiến quân của Hoảng Thao, Ngô Quyền quyết định tiêu diệt địch ở khúc sông **Bạch đằng**, tại nơi hiểm yếu gần cửa biển.

Để lầy cây gỗ xây dựng một trận địa ngầm vĩ đại như thế, Ngô Quyền đã cho huy động hàng vạn người, cả quân sĩ và dân chúng, ngày đêm vào rừng đốn cây, đẽo cọc, bịt đầu bằng sắt nhọn, đem cọc cắm đầy lòng sông Bạch đằng, tại nơi đã định. Tướng sĩ một lòng, quân dân một dạ, với một tinh thần quyết tâm, tích cực, vượt mọi khó khăn không bờ bến, mọi công việc đã hoàn thành. Quân lính chia nhau đi mai phục để chờ địch đến mà diệt. Quân thủy đi thuyền, nấp kín vào lau lách hai bên sông. Quân bộ phục sẵn ở các sườn núi.

Tất cả đang sẵn sàng chờ địch ...

Tin ở lực lượng đông đảo hùng mạnh của quân đội một nước lớn, Hoảng Thao cho thủy binh ồ ạt kéo vào

phía cửa Bạch đằng. Lúc ấy nước triều đang lên cao, ngập hết bãi cọc. Ngô Quyền cho quân đi thuyền nhẹ ra như quân địch. Thấy lực lượng ta nhỏ, quân Nam Hán coi thường, thúc tới đánh. Quân ta quay thuyền lại, vừa đánh vừa chạy, rút theo đường từ vịnh Hạ long vào sông Bạch đằng. Tên tướng trẻ kiêu ngạo Hoảng Thao, đốc chỉ thúc quân chèo thuyền chiến hăm hở đuổi theo vượt qua trận địa ngầm của ta. Quân thủy của ta lại kéo ra thêm, cắm cự với giặc. Khi nước thủy triều bắt đầu rút mạnh, Ngô Quyền hạ lệnh cho toàn quân đánh quật lại mãnh liệt. Chiến thuyền lớn nhỏ đều quay lại, xông ra. Quân bộ phục kích trên núi xuất hiện hai bên sông, bắn tên xuống như mưa.

Thủy quân Nam Hán hoảng hốt, rồi loạn hàng ngũ, quay đầu chạy. Ra đến gần cửa biển, thuyền địch to lớn kênh cang, đâm phải cọc nhọn, chiếc bị vỡ, chiếc bị đắm, nhiều không kể xiết. Quân giặc dứa thì chết đuối, dứa thì bị giết, xác trôi đầy sông, thiệt hại đến quá nửa số quân. Tên tướng Hoảng Thao hung hăng cũng bỏ mạng trong đám loạn quân. Cả đạo quân xâm lược mới đây đang hùng hổ, nay đã hoàn toàn tan rã.

Vua Nam Hán đang điều quân sang tiếp viện cho con, đi nửa đường, nghe tin dữ báo về, bèn thu nhặt tàn quân và rút chạy về nước.

Ý chí xâm lược của Nam Hán bị đè bẹp.

Chiến thắng oanh liệt của quân dân ta dưới sự lãnh đạo của người anh hùng dân tộc Ngô Quyền trên sông Bạch đằng cuối năm 938, kết thúc hoàn toàn thời kỳ mất nước kéo dài hơn ngàn năm. Dân tộc ta giành lại được chủ quyền. Một thời kỳ độc lập lâu dài của dân tộc bắt đầu.

V — BUỔI ĐẦU XÂY DỰNG VÀ GIỮ GÌN ĐỘC LẬP

BAI 12

1. THẮNG LONG RA ĐỜI

Bên bờ sông Hồng, ở đồng bằng Bắc bộ, có một vùng đất gọi là Long đống.

Đầu thế kỷ thứ nhất, cách đây gần 2000 năm, Long đống đã là một chiến trường. Tướng già Mã Viện, lúc ấy đem quân sang chiếm lại nước ta, có đền Long đống. Y kể lại :

— Sáng sớm, thường thấy muôn ngàn sóng bạc, sương tỏa mịt mù, quái vật bay là là trên mặt nước, thật rợn cả người.

Nơi đó đã xảy ra một trận đánh kịch liệt giữa quân Mã Viện và quân Hai Bà Trưng.

Thời nhà Đường đô hộ nước ta, bọn quan cai trị mê tín, thấy Long đống có hình 9 con rồng vờn một hột ngọc, cho là đất quý. Muốn cho nền thống trị của chúng được bền lâu, chúng tìm « huyết » để « yểm ». Chúng cho huyết đó là nơi mắt của con rồng to nhất trong 9 con rồng tượng tượng kia. Chúng cho đào sâu xuống, để kim và bố hóng, làm bùa yểm. Chúng cho thẻ là rồng ta bị mù, dân ta không còn nổi lên chống chúng được nữa. (Nơi chúng đào sâu xuống đó, là một cái ao, về sau vua nhà

Lý cho xây ở đó một ngôi chùa hình bông sen là chùa Một Cột.) Trần yểm xong, chúng đắp thành Đại la «vòng vèo ngàn trượng», lập phủ đô hộ, nơi đặt cơ quan cai trị của chúng.

Con rồng đất không biết có mù hay không, nhưng chẳng bao lâu, nghĩa quân của Bồ Cái đại vương Phùng Hưng thành linh vây hãm phủ đô hộ, làm cho quan đô hộ Cao Chính Bình không gỡ nổi, lo sợ quá, sinh bệnh mà chết.

Năm 1010, ngay sau khi lên làm vua, Lý Thái Tổ thấy đất Hoa lư (nơi đang đóng đô) chật hẹp, bèn bàn với triều thần, rồi ra tờ chiếu dời đô về Long đố nhằm «Chọn đóng nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế lâu dài cho con cháu đời sau».

Tục truyền rằng, khi xe nhà vua đến nơi, có con rồng vàng hiện lên trên sông, rồi bay lên trời. Vua cho là điềm lành, nên đặt tên kinh đô mới là thành Thăng long (rồng bay lên).

Tại kinh thành Thăng long, nhà Lý cho xây dựng nhiều lâu đài, cung điện, đền chùa và thành lũy bảo vệ. Từ đó, Thăng long, với hình ảnh «rồng bay lên» đẹp đẽ và kiêu hãnh, tượng trưng cho khí thế vươn lên của dân tộc, trở thành trung tâm của đất nước ngàn năm văn vật, trái tim của Tổ quốc Việt nam. Và từ đó, Thăng long, tức Hà nội ngày nay đã vĩnh viễn là thủ đô yêu quý và anh hùng của cả nước ta.

2. BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP BẰNG THƠ

Dưới thời nhà Lý, nhà Tống cho 10 vạn quân ồ ạt kéo vào xâm lược nước ta.

Ở khúc sông Cầu chảy qua thị xã Bắc giang, gọi là sông Như nguyệt, có quân Tống đóng dày đặc trên bờ.

Tại bờ nam, quân ta và quân địch đánh nhau dữ dội. Quân địch ở bờ bắc chèo bè sang sông tiếp viện, cũng bị quân ta chặn đánh quyết liệt. Các trận giao chiến hết sức gay go, địch không tiến lên được, ta cũng chưa đẩy lùi được chúng.

Chỉ huy quân nhà Lý lúc ấy là Lý Thường Kiệt, một vị tướng tài, mưu trí, giỏi võ nghệ, khéo dùng binh, lại thạo thơ văn.

Để khích lệ tướng sĩ của mình, Lý Thường Kiệt thường ngâm mấy câu thơ sau đây (dịch) :

*« Sông núi nước Nam vua Nam ở,
Rành rành đã định tại sách trời.
Cớ chi lũ giặc sang xâm phạm ?
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời ! ».*

Với ý lời đánh thép, bài thơ đã nói lên cái chính nghĩa của ta, đồng thời cảnh cáo nghiêm khắc kẻ xâm lược. Quân ta vô cùng phần khởi, càng đánh càng hăng. Còn quân

Tổng thì sợ hãi, hoang mang, không còn ham chiến đấu nữa, mà cứ ngày một tan rã. Cuối cùng tướng giặc phải ra lệnh rút quân về bờ bắc. Từ đó cho đến khi toàn bộ quân xâm lược thua chạy về nước, không một tên địch nào dám bén mảng sang bờ nam sông Như nguyệt.

Bài thơ ngắn, gọn, đầy khí phách của Lý Thường Kiệt, đã được ghi vào lịch sử như bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc ta.

VI — QUÂN DÂN NHÀ TRẦN ĐÁNH TAN GIẶC NGUYÊN

Nhà Trần thay nhà Lý trị vì nước ta từ đầu thế kỷ thứ 13. Thuở ấy, quân Mông cổ giỏi cưỡi ngựa quen trận mạc, đã lập nên một quốc gia lớn mạnh. Để chinh phục thế giới, từng đoàn kỵ binh Mông cổ ào ạt kéo đi gieo rắc chết chóc và kinh hoàng cho nhân loại. Từ Đông sang Tây, biết bao quốc gia, dân tộc bị dày xéo...

Quân Mông cổ, sau này thành lập nhà Nguyên ở Trung quốc, đã ba lần gây ra cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

BÀI 13

LÁ CỜ THEU SÁU CHỮ VÀNG

Được tin nhà Nguyên đang điều quân sang xâm chiếm nước ta, vua Trần Nhân Tông cho vời các tướng lĩnh

về dự hội ở **Bình than** (Sông Lục đầu, Chí linh, Hải dương). Đây là hội nghị của các vương hầu, tướng soái cao cấp để bàn kế hoạch chống giặc.

Bên Bình than rợp bóng thuyền và cờ xí. Lá cờ long phụng cắm trên mũi thuyền ngự, nơi vua và các vương hầu tướng lĩnh dự họp, phần phật tung bay.

Nghe tin có cuộc họp bàn đánh quân Nguyên, Hoài văn hầu **Trần Quốc Toản** (lúc ấy mới 15 tuổi), phóng ngựa tới. Toản định xuống thuyền, nhưng bị lính ngăn lại. Vua trông ra thấy Toản, gọi lại cho một trái cam. Giận mình ít tuổi, chưa được dự bàn việc nước, Toản uất ức nắm chặt bàn tay... Trái cam bị bóp nát như lúc nào không rõ... Toản về, đòi mẹ may cho lá cờ thêu sáu chữ vàng: « **Phá cường tặc, báo hoàng ân** » (phá giặc mạnh, đền ơn vua), rồi tập hợp bạn bè, thân thuộc, tự sắm sửa vũ khí, chiến thuyền, thành lập một đội quân gồm hơn một ngàn người, kéo đến xin vua cho ra dẹp giặc. Đội quân của vị thiếu niên anh hùng đó đã chiến đấu dũng cảm, luôn luôn xông lên phía trước, làm cho quân thù nhiều phen khiếp sợ.

Có một lần, ở núi Kỳ cáp nơi biên giới phía bắc, quân ta đang đánh trả quân Nguyên kịch liệt. Giặc không làm gì được phải rút xa. Bỗng thấy một đoàn quân trai trẻ cưỡi ngựa tiền tới, phấp phới lá cờ sáu chữ « **Phá cường tặc, báo hoàng ân** ». Đi đầu là một viên tướng trẻ măng. Đoàn quân dũng mãnh xông tới đánh địch. Quân Nguyên không kịp trở tay, chạy tán loạn.

Ngày hôm sau, Quốc Toản cùng đoàn quân lại phá tan bọn giặc kéo đến lần nữa hòng chiếm bằng được Kỳ cáp. Sau trận đánh Toản ra mắt Hưng Đạo Vương.

Vương nói :

— Thiều niên nước nhà mà can đảm như thế, thì giặc kia ở lâu sao được trên đất ta !

Rồi Vương sai lấy một con ngựa chiến tốt, một thanh gươm báu, thưởng cho cháu.

Một lần khác, ở Hàm tử (Khoái châu, Hải hưng), quân Nguyên cậy đông đang vây một đoàn thuyền quân ta. Nhưng quân tiếp cứu của ta đến kịp, lại bỏ vây quân địch. Vừa lúc ấy, một đoàn chiến thuyền nhẹ vùn vụt tiến đến. Trần Quốc Toàn đứng hiên ngang trên mũi thuyền, lá cờ với sáu chữ vàng phấp phới trên mũi.

Nghe tiếng dũng cảm của người tướng trẻ đã lâu, lại trong lúc bị vây bốn mặt, bọn tướng giặc mất tinh thần hô quân rút chạy. Quân ta thừa thắng đuổi theo. Tới ngã ba sông, giặc lại bị phục binh ta xông ra chặn lối. Quân Nguyên cò sông cò chết chạy một mạch ra tới cửa biển.

Trần Quốc Toàn được cử mang tin chiến thắng Hàm tử về dâng nhà vua và Hưng Đạo Vương.

BÀI 14

1. MÃI MÊ NGHĨ CÁCH GIẾT GIẶC

Tại Bình than, vua Trần Nhân Tông đã trao quyền chỉ huy toàn quân cho **Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn**. Một hôm, Vương đi qua Phù ủng (Hưng yên). Quân đi trước thét to dẹp đường mà một người ngồi

xếp bằng tròn ở bên đường, chẻ tre, vót nan đan sọt, cứ điểm nhiên như không, hình như không nghe thấy gì cả. Một anh lính nóng nảy, xĩa giáo vào đùi, người đó vẫn không hay. Thấy lạ, Trần Hưng Đạo xuống xe, bước lại bên cạnh, vỗ vào vai. Người đan sọt giật mình, đứng dậy vái chào. Trần Hưng Đạo hỏi :

— Đùi nhà ngươi bị đâm như thế, sao nhà ngươi không biết đau, mà cứ ngồi yên vậy ?

Người đan sọt thưa rằng :

— Thưa ngài, tôi đang mãi nghĩ cách giết giặc cứu dân, nên không nghe thấy gì cả.

Hưng Đạo Vương liền hỏi thử mấy điều về mưu lược quân sự. Ông ứng đáp trôi chảy. Hưng Đạo Vương trọng tài ông, sai người buộc thuốc cho bị đâm, rồi cho đi xe, đưa về tiền cứ với triều đình. Ông được phong làm quan coi quân cấm vệ (bảo vệ vua và kinh thành) và được Hưng Đạo Vương gả con gái nuôi cho.

Đó là **Phạm Ngũ Lão**, sau này là một tướng của nhà Trần có tài cầm quân, nổi tiếng về đức độ và lập được nhiều công to.

2. BÔ LÃO ANH HÙNG

Ở hội nghị Bình than về đền Thăng long, Hưng Đạo Vương được tin thái tử Thoát Hoan con vua Nguyên đã đem 50 vạn quân chia đường sang đánh nước ta.

Quân thù đã ngập ghé ngoài bờ cõi. Tổ quốc lâm nguy ! Nhà vua ra lệnh mời các bộ lão khắp nơi về kinh để vua hỏi ý kiến.

Lệnh vua bay nhanh chưa từng thấy đến khắp nơi trên đất nước, đến tận các làng mạc hẻo lánh xa xôi.

Mấy hôm sau, phò phường Thăng long trở nên tấp nập, nhộn nhịp. Các cụ bộ lão đã lục tục kéo về. Nhiều cụ râu tóc bạc phơ. Có cụ phải chống gậy. Tuy đi đường mệt nhọc, nhưng nét mặt cụ nào cũng toát ra niềm phấn khởi, háo hức : đây là lần đầu tiên nhà vua triệu tập các vị bộ lão về kinh đô để bàn việc lớn của đất nước.

Điện Diên Hồng trang hoàng long lẫy đón tiếp các vị đại biểu có uy tín của nhân dân. Khi các cụ bộ lão đã vào đông đủ, **Hội nghị Diên Hồng** lịch sử bắt đầu.

Vua Trần Nhân Tông nói về việc quân Nguyên vô cớ sang xâm lược nước ta, về thế giặc mạnh, sợ đánh không được, lại sợ đánh nhau quyết liệt với giặc thì đất nước, cung điện, đền đài, mồ mả bị tàn phá. Nên hòa hay nên đánh, nhà vua còn phân vân chưa quyết. Giữa điện Diên Hồng, nhà vua hỏi thẳng các vị bộ lão :

— Ta nên hòa hay nên đánh ?

Có nhiều tiếng xì xào, một cụ đứng lên nói :

— Bọn giặc tàn ác, chúng ta phải đánh !

Rồi cụ khác tiếp theo :

— Hòa tức là hàng, không thể đầu hàng được !

Cụ thứ ba, giọng mạnh mẽ :

— Đời Lý, chúng ta đã chiến thắng quân giặc xâm lăng ! Nay cũng thế. Nhất định chúng ta phải đánh !

Rồi giữa điện Diên Hồng, các bộ lão anh hùng, mang ý nguyện của toàn dân, đã đồng thanh thét lên :

— Quyết đánh ! quyết đánh !

Trăm miệng một lời. Lòng yêu nước của nhân dân đã được khích lệ và đang tạo nên sức mạnh của cuộc kháng chiến.

Tiếng hô đồng thanh « Quyết đánh » của các cụ phụ lão trong Hội nghị Diên Hồng lại cùng các cụ tỏa về khắp nơi. Từ triều đình đến nhân dân, từ già đến trẻ, từ kinh thành đến tận các xã thôn, tất cả kết thành một khối đoàn kết, quyết tâm đánh giặc cứu nước .

CẢNH TAY « SÁT THÁT »

Sau khi cắt cử tướng lĩnh mang quân phòng giữ các nơi, Hưng Đạo Vương lên đóng đại bản doanh tại Vạn Kiếp (Chí linh, Hải Hưng). Việc nước, việc quân nặng trĩu trong lòng. Vương cho gọi các tướng bộ « **Binh thư yếu lược** » đã soạn xong, nhưng vẫn chưa yên lòng, Vương viết thêm bản **Hịch tướng sĩ**, trong đó có những câu như :

« Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ giận không được xả thịt lột da quân giặc, ăn gan uống máu quân thù, dẫu

cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, ngàn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng».

Ai nghe lời hịch đầy tâm huyết đó cũng muốn múa giáo lao vào giặc.

Một đêm khuya, Hưng Đạo Vương đang đọc binh thư, bỗng nghe tiếng reo ngoài xóm. Vương nhìn qua cửa sổ, thấy những bóng người thấp thoáng trong ánh đuốc.

Vương vào xóm thăm một toán quân. Người ca hát, kẻ mài gươm. Một tốp trai tráng cời trắn, dùng dao nhọn thích chữ lên cánh tay. Một hàng chữ máu nổi lên : « **Sát Thát** » (giết giặc Nguyên). Hưng Đạo Vương đứng sững lại. Một cảm xúc mạnh mẽ dâng lên trong lòng vị tướng thông lãnh toàn quân...

Hưng Đạo Vương lại đi, đến chỗ các bộ lão đang nói chuyện. Một vị bộ lão chỉ người con trai đứng bên, nói :

— Đây là đứa con ruột của già, già xin đem hiến cho đất nước. Nó cứ nặng nặc bảo già : Cha đã đi theo vua để chống giặc lần trước, nay con cũng xin đi. Giặc tan, con lại trở về...

Trên cánh tay người con, cũng đã thích hai chữ « **Sát Thát** ».

Khi Đỗ Khắc Chung đi dò tình hình giặc, bị bắt, tướng giặc Ô Mã Nhi quát hỏi :

— Sao triều đình mày dám bảo lính thích chữ « **Sát Thát** » vào cánh tay ?

Chung đáp :

— Đó là do lòng trung nghĩa của quân lính đòi với nước, còn phải ai xui !

BÀI 16

1. VÌ NGHĨA LỚN, BỎ THÙ RIÊNG

Suốt cái đêm xúc động vì tinh thần Sát thát của thanh niên, Hưng Đạo Vương không ngủ. Nghĩ lại mối hận với thượng tướng **Trần Quang Khải**, ông thấy mình không phải. Nguyên **Trần Quốc Tuấn** và Trần Quang Khải là hai anh em con chú con bác, vốn có hiềm riêng. Nay Trần Quang Khải làm thái sư nắm quyền chính trị, Trần Quốc Tuấn làm quốc công nắm binh quyền. Nếu hai người không hòa hợp với nhau thì việc chống giặc cứu nước sẽ phải gặp khó khăn. Trần Quốc Tuấn quyết vì nghĩa lớn, bỏ thù riêng.

Hôm sau, Trần Quốc Tuấn mời Trần Quang Khải xuống thuyền chơi suốt ngày. Trần Quốc Tuấn thích tắm gội, thấy Trần Quang Khải thường ít tắm, bèn sai lấy nước trong, nấu trăm hương thơm ngát, rồi nửa đùa nửa thật, bảo Trần Quang Khải :

— Người thượng tướng nhiều ghét lắm, xin được tắm rửa cho sạch sẽ.

Nói xong ông cời áo Trần Quang Khải, dội nước trăm thơm cho và nói đùa rằng :

— Rất hân hạnh được tắm cho thượng tướng.

Trần Quang Khải cũng đùa lại :

— Rất hân hạnh được quốc công tắm rửa cho !

Quân lính trên thuyền vui sướng thấy hai vị tướng giỏi nhất của quân đội đã hòa thuận. Từ đây, hai nhân vật trọng yếu của nhà nước, hai linh hồn của cuộc kháng chiến chống Nguyên vô cùng thân thiết với nhau. Kẻ làm tướng võ, người làm quan văn, cùng chung lưng góp sức, đưa con thuyền Tổ quốc vượt qua cơn sóng gió.

2. « NẾU BÊ HẠ MUỐN HÀNG, XIN HÃY CHÉM ĐẦU TÔI ĐI ĐÃ »

Lúc mới kéo sang nước ta, quân xâm lược Nguyên đang mạnh. Tuy không thắng ta được ở Kỳ cấp, nhưng chúng vẫn chọc thủng được phòng tuyến thứ nhất của ta ở biên giới.

Để giữ vững lực lượng, Hưng Đạo Vương hạ lệnh cho rút quân ở biên thủy về Vạn kiếp, dàn trận phòng giữ.

Nghe tin quân ta rút lui, vua Nhân Tông gọi Hưng Đạo Vương đến hỏi

— Sách Mạnh Tử có nói « Tranh đất, đánh nhau, người chết đầy nơi đồng áng ». Hay là ta hãy hàng đi để cứu muôn dân ?

Vương trả lời :

— Sách nói là tranh đất, nhưng Nguyên tranh đất, giết người, chứ ta giữ nước, có tranh đất đâu ? ... Nếu bê hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu tôi đi đã !

BÀI 17

« TA THÀ LÀM MA NƯỚC NAM CHÚ KHÔNG THÈM LÀM VƯƠNG ĐẤT BẮC »

Đầu năm 1285, Ô Mã Nhi cho bắc cầu phao qua sông Hồng ào ạt đánh vào Thăng long. Trước thế giặc mạnh, quân ta rút khỏi thành. Giặc ủa vào, nhưng Thăng long chỉ còn là một tòa thành trống với những cung điện, pho phượng vắng bóng người và những kho tàng nhẵn không.

Được biết Hưng Đạo Vương đã rước vua và thượng hoàng đi, Ô Mã Nhi tức tức cho quân chia hai đường thủy, bộ đuổi theo.

Đêm mưa tầm tã. Hưng Đạo Vương đưa hai vua vào nghỉ trong xóm nhỏ Màn trò (Khoái châu, Hải hưng) và gọi Trần Bình Trọng tới nói :

— Ngày mai, khi ta rước thánh giá đi (chỉ vua và thượng hoàng), tướng quân hãy dựa vào vùng đất hiểm này, chặn giặc lại ...

Bảo vệ được vua là giữ được lòng dân. Nay mai, quân của Trần Quang Khải ở phía Nam đánh tan quân của tướng giặc Toa Đô thì dải đất này sẽ là nơi quyết

định sỏ phận giặc Nguyên. Càng nghĩ, Trần Bình Trọng càng khâm phục tài thao lược của Hưng Đạo Vương. Trước lúc mặt trời mọc, ông đã bày trận xong và sẵn sàng chờ đón quân địch.

Tướng Nguyên là Lý Quán đem quân xuôi thuyền tới, trông thấy lá cờ long phụng, ngỡ là có vua Trần, liền hạ lệnh đồ quân lên bờ đánh liền. Quân Trần Bình Trọng tuy ít, nhưng mấy lần hất được kẻ địch xuống sông. Lý Quán, Lý Hằng vẫn thúc quân xông lên, cũng tưởng sắp sửa bắt được vua Trần.

Trần Bình Trọng chông trả mãnh liệt.

Trận chiến đầu kéo dài suốt từ sáng đến trưa. Cuối cùng Trần Bình Trọng bị bắt... Quân thù chột hiệu ra rằng chúng đã mắc mưu. Vua Trần và Hưng Đạo Vương đã đi xa.

Lý Quán giải Trần Bình Trọng đến cho Thoát Hoan. Thoát Hoan vốn biết ông là người trung dũng, muốn khuyên dỗ về hàng. Hắn tự tay cời trói cho Trần Bình Trọng rồi sai dọn cơm rượu thết đãi. Hắn tra hỏi về việc nước, việc quân, trước sau Trần Bình Trọng đều không trả lời. Ông cũng không chịu ăn uống gì. Hắn quay sang dụ dỗ ông bằng chức tước :

— Hàng đi, ta sẽ tâu Thiên tử phong cho tước vương ở đất Bắc.

Trần Bình Trọng lớn tiếng quát rằng :

— Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc!

Biết không dụ được, giặc đem giết ông. Tin đó khiến từ vua quan nhà Trần cho đến quân sĩ, nhân dân

ai này đều kính phục, thương tiếc ông và càng quyết tâm tiêu diệt bọn xâm lược Nguyên đến tận cuối cùng.

BÀI 18

THÁI TỬ NHÀ NGUYÊN TRONG ỚNG ĐỒNG!

Sau khi nghe tin tướng Toa Đô đã chết trận và tướng Ô Mã Nhi đã chạy trốn về nước, Thoát Hoan lòng dạ rồi bời. Y sai Lý Quán dàn quân trên mặt sông Như nguyệt để đôi phó. Hưng Đạo Vương trực tiếp chỉ huy trận đánh. Ba quân từ khắp các ngả múa giáo xông lên. Vương cầm lấy trống trận chỉ huy. Tiếng trống càng kích động lòng quân ta thì càng làm khiếp vía kẻ thù... Thấy giặc ngón ngang trên đồng nội. Biết không chống nổi, Thoát Hoan bèn cho mở đường máu chạy ra hướng Vạn kiếp.

Lý Hằng, Lý Quán vừa chạy vừa phải bảo vệ Thoát Hoan. Chúng chạy về phía rừng, nhưng suốt một dải rừng xanh đều có quân của Phạm Ngũ Lão đón đánh. Hàng trăm nghìn mũi tên lao tới như mưa. Lý Hằng gục chết, người vắt ngang mình ngựa.

Quân Nguyên vẫn tiếp tục tháo chạy. Đến một thung lũng hẹp, chúng toan dừng lại giấu quân tạm nghỉ, thì từ trên các sườn núi, tên cung, tên nỏ lại bay xuống rào rào. Dân binh Tày, Nùng, người cầm cuốc, kẻ cầm dao xông vào đánh tới tấp.

Quân Nguyên đang rút chạy thì đoàn voi chiến của Dã Tượng lại từ trong rừng lừng lững xông ra.

Ba trăm con voi chiến tung vòi, quắp từng tên giặc quật chết như ngã rạ. Thoát Hoan chưa biết tính sao thì quân đi trước lại chạy về báo :

— Đường về biên giới, chỗ nào cũng có quân Nam mai phục !

Trong lúc hốt hoảng, Lý Quán không biết tìm đâu ra một cái ống đồng to, liền nói với Thoát Hoan :

— Việc gấp lắm rồi, xin điện hạ (tức nói thái tử) chui vào đây ẩn, kéo quân Nam trông thầy thì nguy !

Thoát Hoan liền quăng cả mũ măng, giáp trụ, chui vào. Bọn bộ hạ đặt ống đồng lên xe đẩy chạy.

Cả đám tàn quân hỗn độn rút chạy.

Quân ta đuổi theo, cứ nhằm xe chở ống đồng mà bắn. Lý Quán bị trúng tên ngã lăn quay.

Quân giặc chạy dài về bên kia biên giới !

Tại kinh thành Thăng long, Trần Quang Khải đã sửa soạn thành quách xong xuôi, cho dân gian treo đèn, kết hoa. Xe vua và Hưng Đạo Vương về đền nơi, dân kinh thành hân hoan đổ ra đón mừng. Đất nước trở lại thanh bình.

BÀI 19

1. NGUYỄN CHẾ NGHĨA ĐẦU QUÂN

Trong lúc vua tôi, quân dân nhà Trần ăn mừng thắng lợi, thì bên kia biên giới, vua Nguyên dùng dùng

nổi giận toan chém đầu thái tử Thoát Hoan và các tướng bại trận. Một nước lớn hùng mạnh như Đại Nguyên mà lại chịu thua một nước bé như nước Nam ư ? Vua Nguyên hạ lệnh cắt quân báo thù.

Thoát Hoan lại được cử làm đại nguyên soái, cùng các tướng cắt 30 vạn quân sang xâm lược nước ta.

Trần Nhân Tông lại giao Hưng Đạo đại vương quyền thống lĩnh toàn quân chống giặc.

Vương hầu, tướng lĩnh các nơi nườm nượp kéo về kinh bàn việc đánh giặc giữ nước.

Nhà vua gửi hịch đi các nơi mộ thêm quân, sửa sang khí giới. Các bộ lão hăng hái khuyến khích con cháu đầu quân. Trai tráng khắp nơi nô nức lên đường ra trận. Kẻ góp sức, người góp lương. Các bề tôi rên lại phỉ phò nổi lửa rèn gươm đao, giáo mác...

Trước cửa doanh Hưng Đạo đại vương, ngày nào cũng có người tài giỏi đến xin đánh giặc. Một hôm, có người học trò nghèo tự xưng là **Nguyễn Chế Nghĩa** xin vào gặp Hưng Đạo đại vương. Vương muốn thử tài võ nghệ, bèn cho người lấy cung tên, chỉ một con chim sẻ đậu trên nóc điện, bảo Nghĩa bắn thử. Chế Nghĩa cầm cung đi thẳng ra sân, bỗng nói :

— Chim còn nhỏ không nỡ bắn. Xin đại vương cho bắn con sều trong đàn đang bay trên trời kia. Đại vương bảo cho bắn con thứ mấy ?

— Con thứ năm ! Vương nói nhanh.

Chế Nghĩa bật dây cung. Tên bay xuyên trúng chim, con sều thứ năm rơi xuống phía ngoài dinh.

— Tài này đáng gọi là thần tiên !

Nghe tiếng nói, Vương ngoảnh ra thầy Phạm Ngũ Lão tay xách con sều đang đi vào. Biết tiếng Phạm Ngũ Lão đã lâu, nay mới được gặp mặt, Chê Nghĩa rất cảm kích, bước tới vái chào.

2. YẾT KIÊU ĐỤC THUYỀN GIẾT GIẶC

Ô Mã Nhi đóng thủy trại trước Thăng long, thuyền ken đặc một khúc sông. Sợ sóng gió, giặc buộc thuyền, giăng chiếc nọ vào chiếc kia. Chúng tung tin là có tướng Phạm Nhan có tài « gọi gió làm mưa, biến hột đậu thành binh ».

Hưng Đạo đại vương hỏi các tướng cách phá thuyền. Yết Kiêu hăng hái xin hiến kế ...

Yết Kiêu thuở nhỏ nhà nghèo, phải đi mò cua bắt cá nên bơi lội rất giỏi. Giờ đây, Yết Kiêu lặn xuống sông, mò vào thủy trại giặc, đục thuyền, nước chảy ồ ồ vào lòng thuyền. Trong chốc lát, hàng chục chiếc thuyền giặc kéo nhau chìm ngấm. Yết Kiêu nhảy lên tóm được Phạm Nhan kéo tụt xuống nước.

Yết Kiêu đem Phạm Nhan về nộp chủ tướng. Phạm Nhan vẫn còn khoác lác :

— Chém đầu này, ta mọc đầu khác !

Nhưng khi lệnh ban ra, quân lính giải đi chém thì hăn van xin rồi rít. Một nhát gươm đưa, đầu Phạm

Nhan rơi lông lóc. Chờ mãi, vẫn chẳng thấy đầu khác mọc lên !

Yết Kiêu đã dùng tài bơi lội, phá được rất nhiều thuyền giặc. Nhưng rồi chúng biết, để phòng. Chúng ra lệnh tháo rời các thuyền xa nhau, canh phòng cẩn mật. Yết Kiêu lại lặn xuống sông, đục thuyền. Thầy động, quân giặc bủa lưới, rồi lăm lăm chĩa giáo xuống nước. Yết Kiêu bị bắt và bị giải đến trước mặt tướng Nguyên. Ô Mã Nhi quát hỏi :

— Tài giỏi như ngươi, nước Nam phòng có mấy người ?

Yết Kiêu cười nhạt :

— Hăng hà sa sò ! Duy tôi kém nhất nên mới bị bắt.

Thầy Yết Kiêu không hề biết sợ, lại ăn nói rần rỏi, Ô Mã Nhi sai cời trói, mời ngồi. Bắt thành lính, Yết Kiêu xô quân lính, nhảy tùm xuống sông biến mất.

BÀI 20

SÔNG BẠCH ĐĂNG LẠI NỒI SÓNG NHẬN CHÌM QUÂN CƯỚP NƯỚC

Vâng lệnh Trần Hưng Đạo, Nguyễn Khoái đem quân thủy xuống Quảng yên. Đoàn thuyền nhẹ lướt đi trong đêm. Chỉ nghe tiếng sóng Bạch đằng giang rào rạt ...

Đêm ấy, dân mây làng ở cửa sông Bạch đằng thao thức chờ đón quân về. Họ cùng quân Nguyễn Khoái vào rừng đồn gỗ, chọn nơi đóng cọc Xuồng lòng sông. Tất cả đã đoán biết mưu lược của Hưng Đạo đại vương : Người quyết mở trận thủy chiến trên khúc sông mà xưa kia Ngô Quyền đã chiến thắng quân Nam Hán.

Đúng như dự đoán, Ô Mã Nhi cùng bọn quân tướng rút theo hướng Bạch đằng. Đại vương lập tức cất quân. Qua sông Hóa (Thái bình), gặp lúc nước triều xuống, đáy bùn lầy, nhiều người ngần ngại. Vương ngồi trên bành voi, lớn tiếng thề :

— Trận này không phá xong giặc Nguyên, quyết không về đền bên sông này nữa !

Dân hai bên bờ nghe tin đại quân ta kéo qua, vội hò nhau đem rơm rạ, giường phản vớt xuống lòng sông, lót đường cho quân đi. Voi Hưng Đạo đại vương bị sa lầy. Việc quân gấp rút, Vương đành lia con voi trung thành, xuống đi bộ. Nhìn chủ đi, voi ứa nước mắt. Lòng Vương cũng thấy nao nao . . .

Ô Mã Nhi kéo quân ra cửa Bạch đằng thì vấp phải quân Nguyễn Khoái đón đánh. Đứng trên mũi thuyền, Khoái vừa phất cao cờ lệnh chỉ huy, vừa trông chừng con nước thủy triều. Giặc cạy đông, đánh mạnh để mở đường. Quân ta đánh rát, giặc phải chùn lại. Bỗng Nguyễn Khoái hô quân rút lui. Quân Nguyên thừa thế đuổi theo . . .

Rút một quãng xa, Nguyễn Khoái liền cho tung hàng ngàn bao vôi xuống sông hướng về phía quân giặc. Vôi xuống nước, sủi lên sùng sục, phả khói cay nồng khiến

chúng sặc sụa, mắt nhắm mắt mờ. Nước thủy triều đang rút xuống ! Đây đó thập thoảng những chiếc cọc nhọn nhô nhô trên mặt sông.

Vừa lúc ấy, Hưng Đạo đại vương mang đại quân tới. Quân Nguyên bị chặn đứng lại, rồi phải lui dần. Tiếng thét « Sát thát » dậy trời nổi lên. Thuyền giặc va phải cọc nhọn, cái chìm, cái thủng. Dưới đánh lên, trên đánh xuống ! Năm trăm thuyền giặc tá tơi. Bọn danh tướng nhà Nguyên đều bị tóm.

Đại quân ta rầm rộ kéo về Phả lại, Chí linh. Thoát Hoan tức tốc cho quân tháo chạy lên ải Bắc. Phạm Ngũ Lão cùng Nguyễn Chề Nghĩa chém chết nhiều tướng giặc, đuổi Thoát Hoan chạy dài trên đường về Quảng tây.

Lần này là lần thứ ba đại thắng quân Nguyên. Trần Quốc Tuấn cùng vua Nhân Tông và Thượng hoàng trở lại Thăng long. Nhà vua sai mở tiệc thưởng tướng khao binh và cho dân gian mở hội « *Thái bình diên yễn* ». Kinh đô Thăng long sau ba cơn binh lửa, nay càng lộng lẫy hơn xưa.

Trần Nhân Tông thấy non sông trở lại thanh bình như cũ, bảo Hưng Đạo đại vương :

— Nhà nước ta mấy phen nguy mà lại yên là bởi nhờ sức đại vương cả !

Đại vương đáp :

— Thần đâu dám nhận công lao ấy ! Đó là nhờ vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước cả nhà đều sức lại mà đánh thắng . . .

VII — MƯỜI NĂM KHÁNG CHIẾN CHÔNG QUÂN MINH

Nhà Trần trị vì nước ta gần 200 năm và đã lập nên chiến công oanh liệt 3 lần đánh tan quân Nguyên. Đến thế kỷ XV, nhà Hồ lên thay nhà Trần. Quân Minh sang xâm lược nước ta, chúng đánh bại nhà Hồ và lập nên một nền thống trị vô cùng tàn bạo. Nhân dân ta liên tiếp nổi lên chống lại chúng.

BÀI 21

1. LAM SƠN TỰ NGHĨA

Năm 1416, tại Lam sơn (Thọ xuân, Thanh hóa) có 19 chàng trai lực lưỡng ăn mặc chỉnh tề, tụ họp ở rừng Lũng nhai. Đứng đầu là một người ngoài 30 tuổi «thiên tư tuấn tú khác thường, tinh thần và dáng người tinh anh, mạnh mẽ : mắt sáng, miệng rộng, mũi cao, vai có nốt ruồi, tiếng nói như chuông, đi như rồng, bước như cọp, mới thấy đã biết là người phi thường».

Đó là Lê Lợi và 18 người bạn chiến đấu thân tín nhất của Lê Lợi, mà sử sách còn ghi lại . Họ làm lễ ăn thề.

Thề rằng :

«Chúng tôi, Lê Lợi cùng 18 người, quê quán họ hàng khác nhau, nhưng kết nghĩa làm anh em, thề cùng chung một chí hướng.

«Nay bọn giặc Ngô⁽¹⁾ xâm chiếm nước Nam, tàn sát nhân dân, gây bao đau khổ, nên Lê Lợi cùng 18 người anh em, quyết đồng lòng chung sức, giữ vững đất nước, đem lại đời sống yên lành cho dân, thề sống chết có nhau, suốt đời không quên lời nguyện ước».

Đó là Hội thề Lũng nhai của Lê Lợi và 18 người anh hùng đầu tiên của đất Lam sơn, được nhắc đến nhiều trong sử sách.

Trong số 18 người dự thề ở Lũng nhai và những người tham gia chuẩn bị cuộc khởi nghĩa sau này, có mặt nhiều bà con thân thuộc, nhiều người quen của Lê Lợi ở Lam sơn và vùng xung quanh, cả một số anh hùng hào kiệt từ khắp bốn phương của đất nước đến.

Bên cạnh Lê Lợi, người đề xướng và thủ lĩnh tối cao của cuộc khởi nghĩa, một người yêu nước và có uy tín rộng rãi trong nhân dân, nổi bật một ngôi sao sáng nữa là Nguyễn Trãi, một người trí thức yêu nước, một thiên tài của dân tộc. Lê Lợi, Nguyễn Trãi là bộ óc của nghĩa quân. Trong lần gặp Lê Lợi đầu tiên, Nguyễn Trãi đã trình bày kế hoạch diệt giặc Minh cứu nước, mà Nguyễn Trãi đã nghiên cứu công phu và ấp ủ bấy lâu nay.

Rừng núi Lam sơn bề ngoài vẫn bình thản. Nhưng quân thù làm sao có thể hiểu được dưới những rừng cây,

(1) Tức giặc Minh.

bên những sườn núi ấy, hàng chục, hàng trăm, rồi đến hàng nghìn con người đẩy tâm huyết đã tỵ nghĩa, biết bao khối óc ngày đêm đang mưu tính việc lớn, bao nhiêu con tim đang rực cháy lửa căm thù, bao nhiêu cánh tay đang rèn đúc vũ khí để chờ dịp đâm vào ngực quân cướp nước...

2. THANH KIỂM THẦN KỲ DIỆU

Tục truyền rằng, trước khi cùng Lê Lợi khởi nghĩa, có một hôm Lê Thận quăng lưới ở sông Chu bắt được một thanh kiếm có hào quang sáng lòa. Cầm xem thanh kiếm lạ, Thận thấy có khắc tên Lê Lợi và hai chữ « Thuận thiên » nghĩa là « theo ý trời ». Thận đem về đưa cho anh em xem. Lê Lợi và anh em mừng rỡ vô cùng, đặt lễ nhận thanh kiếm thần và trao cho Lê Lợi. Thanh kiếm không hề rời tay Lê Lợi, đã giúp Lê Lợi chỉ huy khởi nghĩa, trừ giặc cứu nước, cho đến ngày thành công. Một hôm sau ngày thắng lợi, Lê Lợi đi thuyền rồng dạo chơi trên hồ giữa thành Thăng long, thì bỗng thấy một con rùa vàng to lớn hiện lên, ngoảnh đầu chăm chăm nhìn vào Lê Lợi. Lê Lợi rút kiếm thần ra định chém thì kiếm rơi ngay xuống hồ. Rùa vàng đón lấy kiếm, ngậm vào miệng, gật đầu ba cái rồi mang kiếm lặn xuống nước. Lê Lợi hiểu là đã đến lúc trả kiếm lại cho thần. Nhà vua liền đặt tên hồ ấy là hồ Hoàn kiếm nghĩa là « trả lại kiếm ». Đó là câu chuyện về thanh kiếm thần kỳ diệu của Lê Lợi mà hiện nay còn lưu truyền rộng rãi trong dân gian. Câu

chuyện có tính chất thần thoại này phản ánh rõ lòng tôn sùng người anh hùng cứu nước của nhân dân ta.

BÀI 22

RỪA NHỤC CHO NƯỚC, TRẢ THÙ CHO CHA

Thuở ấy, ở triều đình nhà Trần, có một nhà quý tộc lớn là Trần Nguyên Đán. Ông có một người con gái rất thông minh và ham học. Cùng lúc ấy, ở làng Nhị Khê (Thường Tín, Hà Tây) có một người học trò thông minh, học giỏi nhưng nhà nghèo, nên phải vừa học vừa dạy học. Đó là Nguyễn Phi Khanh. Biết tiếng Khanh, Trần Nguyên Đán cho đón Khanh về dinh dạy học và gả con gái cho. Nguyễn Trãi ra đời trong dinh ông ngoại.

Từ bé, Nguyễn Trãi đã rất thông minh, chăm học dưới sự dạy dỗ của cha, chăm sóc của mẹ. Năm 1400, nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần và mở khoa thi thứ nhất, Trãi mới 20 tuổi thi đậu tiến sĩ và cùng cha ra làm quan với nhà Hồ.

Quân Minh sang xâm lược nước ta, cha con Hồ Quý Ly ra sức chống địch nhưng cuối cùng thất bại, bị bắt, đóng cũi giải về Trung quốc, cùng với một số triều thần, trong đó có Nguyễn Phi Khanh. Nguyễn Trãi không bị bắt, ông cùng em trai là Phi Hùng theo đoàn xe tù lên tận ải Nam quan (nay là Hữu nghị quan) để hầu hạ cha già.

Biết mình không có hy vọng trở về đất nước nữa, Nguyễn Phi Khanh nhân lúc vắng vẻ bảo Nguyễn Trãi : « Con là người có học, có tài, phải tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Như thế mới là tôi trung, con hiểu. Có phải đâu cứ lẻo đẻo đi theo cha, khóc lóc như thế mới là con hiếu. Con nghĩ lại xem ».

Nguyễn Trãi nghe lời cha, gạt nước mắt, quay trở lại, lòng nặng trĩu mối hận thù.

Trở về thành Đông quan, ông bị sa vào tay giặc Minh. Chúng dụ dỗ ông ra làm quan. Nguyễn Trãi khéo léo cương quyết chối từ. Bọn giặc tức giận, định giết ông, nhưng lại muốn tiếp tục dụ dỗ ông, nên tha ông ra, giam lỏng trong thành Đông quan.

Gần 10 năm ở Đông quan, Nguyễn Trãi sống vô cùng thiếu thốn :

Góc thành Nam lều một gian

No nước uống, thiếu cơm ăn.

Nhưng đó cũng là thời kỳ ông được thấy tận mắt những tội ác tày trời của quân giặc, nung nấu chí căm thù và lòng quyết chiến.

Năm 1416, Nguyễn Trãi bỏ trốn vào Lam sơn tìm Lê Lợi và dự Hội thề Lũng nhai.

Từ Hội thề Lũng nhai đến ngày phát cờ khởi nghĩa, và mãi mãi về sau, Nguyễn Trãi đã gắn liền cuộc đời mình với sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước.

LÊ LAI HY SINH VÌ NGHĨA LỚN

Trong không khí tung bừng phấn khởi của ngày Tết Nguyên đán, năm 1418, Lê Lợi và toàn thể nghĩa quân dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn. Lê Lợi tự xưng là **Bình Định Vương**, truyền hịch đi các nơi kêu gọi nhân dân cùng nổi dậy giết giặc cứu nước.

Nghĩa quân biên miền rừng núi Lam sơn thành căn cứ đầu tiên để tiến hành cuộc chiến tranh chống xâm lược. Tuy nhiên, trong liên 5, 6 năm trời, nghĩa quân phải lo chống đỡ các cuộc vây quét của quân Minh thường dựa vào nhiều quân — có khi đến 10 vạn — để bao vây, tấn công hòng tiêu diệt cuộc khởi nghĩa. Nghĩa quân đã phải chịu muôn vàn khó khăn gian khổ, vượt qua nhiều thử thách hiểm nghèo. Đã bao lần, nghĩa quân bị bao vây ở núi Chí linh (Thanh hóa) và ở *Khôi huyện* (Ninh bình), hàng tháng trời cạn lương thực. Có khi lực lượng nghĩa quân bị tổn thất nặng nề, chỉ còn mấy trăm người.

Năm 1419, quân Minh huy động một lực lượng lớn mấy vạn quân đến bao vây núi Chí linh lần thứ hai, nhằm tiêu diệt nghĩa quân và bắt cho kỳ được chủ tướng Lê Lợi. Vòng vây của kẻ thù ngày càng khép chặt, lương thực của nghĩa quân cạn dần. Đã hơn 10 ngày nghĩa quân phải ăn củ nâu để sống.

Trước tình hình hết sức hiểm nghèo đó, Lê Lai, người đứng thứ hai sau Lê Lợi trong Hội thề Lũng nhai, đã khẳng khái xin tình nguyện hy sinh để cứu Lê Lợi và giải vây cho nghĩa quân. Lê Lai mặc áo ngự bào, đội

khăn vàng, giả làm Lê Lợi, cưỡi voi dẫn 500 quân cảm tử ra đột phá vòng vây để đánh lạc hướng quân thù.

Quân Minh tưởng đó là Lê Lợi thật, tập trung quân vây đánh kịch liệt. Lê Lai và quân cảm tử chiến đấu vô cùng anh dũng, chống lại một lực lượng mạnh hơn gấp mấy chục lần, và vừa chiến đấu vừa như quân địch chạy xa núi Chí linh. Cuối cùng, sức cùng lực kiệt, Lê Lai bị bắt và bị giết chết. Quân Minh tưởng đã trừ được Lê Lợi, liền rút lui.

Thoát được một cơn nguy lớn, Lê Lợi cùng bộ tham mưu và quân còn lại, rút về căn cứ Lam sơn, xây dựng lại lực lượng tiếp tục chiến đấu.

Thế là gia đình Lê Lai gồm có năm người — hai anh em và ba người con trai — đều tham gia cuộc khởi nghĩa thì bốn người đã hy sinh anh dũng trong chiến đấu. Hành động xả thân vì nước của Lê Lai đã trở thành một sự tích anh hùng không bao giờ phai mờ trong lịch sử của dân tộc ta.

Nghĩa quân Lam sơn ngày càng lớn mạnh, thắng trận này đền trận khác, lấy lại ngày càng nhiều đất đai bị chiếm. Hàng chục vạn quân Minh lần lượt bị đánh tơi bời, cuối cùng phải chịu thua. Đầu năm 1428, sau 10 năm sang xâm lược nước ta, quân Minh bị quét sạch ra khỏi bờ cõi Việt nam.

VIII — NÔNG DÂN KHỞI NGHĨA CHỐNG THÙ TRONG GIẶC NGOÀI

Vào đầu thế kỷ 16, nhà Lê bắt đầu suy yếu. Những tên vua tàn bạo, truy lạc, chỉ lo ăn chơi, tranh ngôi, chém giết lẫn nhau. Các phe phái phong kiến chỉ biết giành quyền chiếm vị, làm cho triều đình chia đôi, nhà Mạc nắm giữ Bắc triều, họ Nguyễn thống trị Nam triều. Và khi nhà Mạc bị diệt, thì xuất hiện sự xung đột giữa họ Trịnh ở Đàng ngoài và họ Nguyễn ở Đàng trong. Chiến tranh giữa các phe phái phong kiến kéo dài hàng thế kỷ, làm cho đất nước bị chia cắt hơn 200 năm. Tổ quốc mấy lần bị nạn ngoại xâm đe dọa. Nhân dân phải chịu đựng mọi thiệt hại, mất người, mất của, đau khổ, chia ly.

Những cuộc khởi nghĩa của nông dân, tầng lớp lâm than cơ cực nhất, nổi lên liên tiếp và khắp nơi, trong suốt thế kỷ 18, 19, nhằm chống thù trong, giặc ngoài, ghi nhiều chiến công lừng lẫy.

BÀI 24

DÂN NGHÈO NỒI DẬY THEO QUẬN HE ĐÁNH LẠI TRIỀU ĐÌNH

Miền Hải hưng hai năm liền mất mùa, đói kém. Phần bị bọn địa chủ bóc lột tận xương tủy, phần bị thiên tai, nhân dân sống không có ngày mai.

Cảnh đói khổ của nông dân đập mạnh vào đầu óc một cậu bé nhà nghèo, mồ côi cha từ thuở nhỏ : Nguyễn Hữu Cầu.

Vừa lớn lên, Cầu đã tham gia một cuộc khởi nghĩa ở Hải hưng và tỏ ra là một kiện tướng xuất sắc. Về sau, giữa lúc nhân dân bị đói, Cầu đứng ra lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa khác và ngay từ những ngày đầu phát cò đã chăm lo việc cứu đói cho dân. Cầu nêu khẩu hiệu : « Lầy của nhà giàu chia cho dân nghèo ». Nghĩa quân đánh chiếm lúa gạo của bọn địa chủ, bọn lái buôn giàu có, chia cho dân nghèo, nhờ đó nhiều người được cứu sống.

Trong hàng ngũ nghĩa quân, tất cả đều là dân nghèo. Thủ lĩnh Nguyễn Hữu Cầu không hề xưng đề, xưng vương, lập triều đình, đặt quan chức gì cả. Trước sau Nguyễn Hữu Cầu chỉ nhận mình là một viên tướng cầm quân để bảo vệ nhân dân. Cử chỉ ấy thật là khiêm tốn, giản dị.

Nhiều lần, trong chiến đấu, ông bị vây mấy vòng, một mình một ngựa phá vây xông ra. Vài hôm sau lại có hàng vạn quân chúng theo ông. Khi ra trận, ông cưỡi ngựa cầm gươm, đi lại như bay, quân sĩ triều đình không ai là không sợ hãi, bọn tướng lĩnh cũng phải kinh hồn.

Nguyễn Hữu Cầu có tài đánh dưới nước. Ông bơi lội giỏi, có thể lặn dưới nước rất lâu. Ban đêm, Cầu thường tìm tới đục thuyền địch hoặc leo lên thuyền giết quân tướng nhà Trịnh. Thuyền địch đóng ở đâu, thường phải đề phòng Nguyễn Hữu Cầu lặn tới đánh đột kích. Quân chúng nông dân và dân chài tặng cho ông danh hiệu « **Quận He** » là ví ông với con cá he, một loài cá biển bơi rất nhanh, rất đẹp.

Nguyễn Hữu Cầu còn là một tướng cầm quân giỏi, hết sức linh hoạt, có tài lầy ít đánh nhiều. Nghĩa quân

của ông di chuyển khắp nơi, nay đánh chỗ này, mai đánh chỗ khác, khiến địch không kịp trở tay. Có lần, tướng Trịnh đem đại binh bao vây căn cứ Đồ sơn của nghĩa quân. Cầu đề mặc cho quân tướng nhà Trịnh vây giữ 5—6 tháng rồi đột nhiên, đánh phá vòng vây, mở đường đưa toàn quân tiến nhanh lên Kinh bắc (Bắc ninh, Bắc giang), chiếm giữ Bắc giang, đánh xuống lầy Thị cầu và thành Kinh bắc. Tướng địch không kịp trở tay, vứt cả ần tín, chạy thoát lầy thân về Thăng long. Nghĩa quân Quận He làm chủ vùng Kinh bắc trong gần một năm và đã đánh tan nhiều cuộc phản công lớn của địch. Có lần, Nguyễn Hữu Cầu đang đánh địch ở Duyên hà (Thái bình), đột nhiên lại quay lên đánh Cẩm giăng (Hải hưng). Tuy bị thất bại, nhưng ngay sau đó, lợi dụng cơ hội địch chủ quan, đã hành quân cấp tốc suốt đêm, mờ sáng đến bên Bồ đề (Gia lâm) vượt sông Hồng, tập kích Thăng long. Quân tướng nhà Trịnh lại phải một phen chống đỡ vô cùng vất vả.

Nghĩa quân của Quận He Nguyễn Hữu Cầu tung hoành ngang dọc khắp vùng đồng bằng Bắc bộ, vào tận Thanh hóa, Nghệ an, trong hơn 10 năm.

BAI 25

CHÀNG LÍA ĐÁNH QUAN QUÂN CHÚA NGUYỄN

« Ai vào Bình định mà nghe

Nói thơ chàng Lía, hát về Quảng nam ».

Lía, quê ở Bình định, sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo khổ, lớn lên đã phải đi ăn xin, đi ở cho địa chủ. Lía là người có sức khỏe, giỏi võ nghệ, ngang tàng, khí khái. Bị bọn địa chủ cường hào áp bức, đánh đập, hành hạ, nên từ bé Lía đã hun đúc một chí căm thù phong kiên rất sâu sắc. Lía bỏ trốn vào rừng, rồi một hôm quay về giết hết bọn cường hào ác bá trong làng, tập hợp nghĩa quân, lập căn cứ ở truông Mây (Bình định). Nghĩa quân của Lía đánh giết bọn địa chủ, lấy của nhà giàu chia cho người nghèo, và nhiều lần đánh bại cả quân của chúa Nguyễn.

Cuộc chiến đầu anh dũng của Lía đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong nhân dân Đàng Trong qua nhiều câu ca, bài vè. Phổ biến nhất là bài vè sau đây :

Lía rày ở chôn sơn trung,
Ngày đêm luyện tập, ung dung chèn nổng.
Vui say thỏa dạ phi lòng,
Thình lình quân báo bước xông ngay vào.
Thưa rằng : Dưới xóm binh trào,
Rân rân kéo đến, định vào sơn trung.
Lía nghe cắt tiếng mà rằng :
Ta đây muốn gặp trào đảng đã lâu.
Bây rày chưa đánh trận nào.
Ngày nay có dịp đôi đầu cũng hay.
Để cho vua chúa biết tài,
Rằng đây có Lía, một tay anh hùng.
Vào buồng nai nịt quân nhung,
Lên yên thẳng xuống, trùng trùng rinh rang.
Quân binh kén đủ năm ngàn,
Thình lình cướp trại đánh ngang quân trào.

Quan binh đang lúc vây bao,
Chợt đâu bị đánh, xiết bao hãi hùng !
Kéo nhau mà chạy rùng rùng,
Bồn bể hỗn loạn, vô cùng rồi ren !
Tướng trào thoát vội lên yên,
Cản đường chàng Lía, quyết nguyện đua tranh
Phút thôi náo động non xanh,
Đá bay, cây ngã, lệ lạnh khác tày.
Lía ta võ nghệ đại tài,
Đánh cho đại tướng hai tay rụng rời.
Hai bên đánh trợn ngày trời,
Tướng trào liệu sức tềch vờ cho mau.
Kéo binh đông chạy trước sau,
Quân Lía hăng hái ào ào đuổi sau.
Đại quan kinh sợ xiết bao !
Kéo binh mà chạy, mao bào tả tơi !
Đại tướng thất trận thoát nản,
Về trào chịu tội mất thành binh tan.
Vua nghe tức giận đập bàn,
Chi⁽¹⁾ sai đồ đốc lên đảng cho ngay.
Vớ mười vạn lính giỏi thay,
Mau mau tiến phát, cướp ngay lại thành.
Đồ đốc võ nghệ vẹn toàn,
Quan binh hùng dũng, chiến tràng đua tranh.
Lía bèn giục ngựa ra thành,
Quyết cùng đồ đốc giao tranh so tài.
Đôi bên xáp chiến cả ngày,
Bắt phân thắng bại, khen thay anh hào.

(1) Lệnh của vua.

Tính toan thành khó giữ nào,
 Bời chưng quân ít không sao chống kênh !
 Lúa ngấm tính muốn bỏ thành,
 Ngặt vì binh tướng trào đình phủ vây.
 Cuối cùng Lúa chịu bó tay,
 Một mình giữa trận, quân bay đường nào ?
 Lính trào tứ phía đánh vào,
 Lúa đã suy nghĩ, kẻ nào thoát thân ?
 Con nguy, chuyển hết sức thần,
 Dùng miếng cá lóc, dậm chân nhảy liền.
 Quân trào vây kín khắp miền,
 Lúa vọt ra khỏi rất nên kỳ tài.
 Bây giờ đã thoát vòng vây,
 Thẳng về sơn trại một ngày đã an.
 Tháng ngày ở tại lâm san,
 Quân binh lương thực ngày càng đủ đông. . .

BAI 26

1. NGHĨA QUÂN TÂY SƠN

Ở làng Tây sơn thuộc phủ Quy nhơn (nay thuộc huyện Bình Khê, tỉnh Bình định) có 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ là những người nông dân áo vải. Để đầy quân chồng lại chúa Nguyễn, họ tìm cách kết giao với hào kiệt ở các nơi, tập hợp các tầng lớp nhân dân bất bình với triều đình.

Nguyễn Nhạc cùng anh em thường lấy của kẻ giàu giúp người nghèo, nên lời cuồn được đông đảo nhân

dân tham gia và sớm có một lực lượng hùng hậu ngay từ những ngày đầu, đủ đối phó với quân thù. Một giáo sĩ người Tây-ban-nha, chứng kiến việc đó, có viết : « Ban ngày, họ xuống các chợ, kẻ đeo gươm, người mang cung tên, lại có người mang súng. Họ không hề làm thiệt hại đến người và của. Trái lại họ tỏ ra muốn bình đẳng giữa mọi người Đảng Trong. Họ vào nhà người giàu, lấy lương thực đem chia cho người nghèo, chỉ giữ một phần ít cho họ mà thôi . . . Người ta nói họ nhân từ đối với quần chúng nghèo khổ . . . »

Quân sĩ Tây sơn, từ vài ngàn lúc đầu, sau một thời gian ngắn đã lên tới hàng vạn, gồm đủ các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là nông dân, gồm cả người Kinh, người Thượng . . .

Những người thủ lĩnh phong trào lấy miền An Khê làm nơi xây dựng căn cứ. Đó là một miền đông dân, giàu có, nhiều lương thực. Vùng rừng núi An Khê lại có nhiều voi lớn, ngựa hay, có mỏ sắt, diêm tiêu, có gỗ tốt, rất cần cho nghĩa quân. Đồng bào miền núi ở đó có truyền thống đua ngựa, luyện voi. Người Thượng, người Kinh đều có truyền thống thượng võ.

Ai vào Bình định mà coi
 Con gái cũng biết đi roi, đi quyền

Cho nên những đội quân đầu tiên của phong trào Tây sơn đã là những đội quân thiện chiến và dũng cảm.

2. DÀNH CHIẾM THÀNH QUY NHƠN

Thề lực của quân Tây sơn đã khá mạnh. Nguyễn Nhạc quyết định lấy thành Quy nhơn, dinh lũy của chính quyền phong kiến địa phương.

Nhân bọn chúa Nguyễn treo giải thưởng rất lớn cho người nào bắt được tướng giặc Tây sơn, nghĩa quân đã dùng một mưu kế rất táo bạo. Một hôm, Nguyễn Nhạc tự ngồi vào trong cũi, cho quân của mình với hai người đồng mưu vốn là kép hát, khiêng vào thành Quy nhơn nộp cho viên trấn thủ, nói là xã trưởng bắt được giặc đem nộp lấy thưởng. Vở kịch đóng giỏi quá, viên quan không nghi ngờ gì cả, ban thưởng cho những người có công và lưu lại trong phủ để trông coi tên giặc nguy hiểm. Chờ đêm khuya, Nguyễn Nhạc tháo cũi, phá nhà giam cùng quân nội ứng mở cửa thành. Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ và các chỉ huy khác kéo quân xông vào, hò reo vang dội. Quân lính trong thành xin hàng, trấn thủ Quy nhơn chạy trốn. Quân Tây sơn hạ được thành Quy nhơn không tốn một viên đạn. Thừa thế nghĩa quân chiếm luôn hai căn cứ lân cận chứa đầy thóc lúa, tiền bạc.

Quân Tây sơn tiền đồn đầu, dân nghèo nổi lên hưởng ứng đến đó, thanh thế càng lớn, thắng càng to. Chỉ một năm sau, Tây sơn đã kiểm soát được cả khoảng đất đai từ đèo Hải vân vào đến Bình thuận.

Cuộc khởi nghĩa của nông dân Tây sơn thành công rực rỡ.

DIỆT QUÂN XÂM LƯỢC XIÊM

Nghĩa quân Tây sơn đã diệt bọn con cháu chúa Nguyễn kết thúc 200 năm thống trị của họ Nguyễn ở Đàng Trong. Riêng Nguyễn Ánh chạy thoát, tập hợp lực lượng phản động đánh lại Tây sơn. Sau khi bị quân Tây sơn đánh thua nhiều lần, và sau một thời gian lẩn trốn ở các đảo ngoài vịnh Xiêm (Thái lan), Nguyễn Ánh chạy sang kinh đô Vọng các (Băng cộc) cầu cứu vua Xiêm. Ánh xin rước quân Xiêm về Gia định, dày xéo lên đất nước của cha ông. Vua Xiêm sai cháu là Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem 5 vạn quân thủy bộ, cùng 300 thuyền chiến từ Vọng các xuất quân sang xâm chiếm Gia định. Nguyễn Ánh theo gót bọn xâm lược trở về nước.

Quân xâm lược Xiêm đổ bộ lên Rạch giá. Đó là một đạo quân cực kỳ hung bạo, chúng tàn sát nhân dân, cướp bóc của cải chở về nước — Nhân dân ta vô cùng căm giận.

Được tin cấp báo, Nguyễn Huệ đem binh thuyền vào trừng trị bọn cướp nước và lũ bán nước. Lúc bấy giờ Nguyễn Huệ mới 32 tuổi, nhưng tiếng tăm đã lừng lẫy...

Quân Nguyễn Huệ đến Mỹ tho, từ đó tiền đồn sông Trà ôn, hàng ngày theo nước triều lên xuống, tiền đánh quân địch.

Quân Xiêm cậy mình đã thắng luôn mấy trận, càng giết hại nhân dân, cướp đoạt tài sản... Năm được tính

kiêu căng, hám của, của bọn Chiêu Tăng, Chiêu Sương và quân xâm lược Xiêm, Nguyễn Huệ bàn mưu với tướng tá, mật sai một người tù binh Cao miên liên lạc với quân Xiêm, ngày ngày mời chúng sang thuyền quân Tây sơn chơi để phô trương các loại vũ khí. Khi quân Xiêm về, chúng được tặng vóc lụa rất hậu. Qua việc tiếp xúc đó, nghĩa quân đã lấy được một số tin tức tình báo cần thiết về quân Xiêm. Nguyễn Huệ quyết định kéo quân địch ra khỏi căn cứ của chúng để tiêu diệt.

Nguyễn Huệ chọn đoạn sông Mỹ tho từ *Rạch găm* đến *Xoài mút* làm nơi quyết chiến. Đoạn sông này dài khoảng 6, 7 cây số. Trong đoạn này, lòng sông mở rộng thuận tiện cho việc dồn mấy trăm chiếc thuyền địch tập trung vào đó để công kích. Thủy quân và các thuyền chiến Tây sơn được giấu kín trong các con sông nhỏ. Pháo binh mai phục ở hai bên bờ sông và trên các cù lao.

Sau khi đã bố trí xong, Nguyễn Huệ cho quân tới khiêu chiến tại căn cứ Sa đéc. Các tướng Xiêm chủ quan, cậy có ưu thế, muốn nhân việc truy kích quân Tây sơn mà tiến lên chiếm đóng Mỹ tho. Đêm 18 rạng 19 tháng 1 năm 1785, vào khoảng 3 giờ sáng, quân địch huy động toàn bộ lực lượng tiến theo sông Mỹ tho, đánh đuổi quân Tây sơn. Thấy thuyền Tây sơn bỏ lại phía trước, quân Xiêm hám lợi, tranh nhau lấy cửa, hàng ngũ bắt đầu rối loạn . . . Quân ta cứ lùi, thuyền địch cứ tiến . . .

Khi quân địch đã dẫn thân vào đúng khu vực có bố trí, Nguyễn Huệ ra lệnh tấn công. Thủy quân Tây sơn ở *Rạch găm* và *rạch Xoài mút* chặn đánh ở hai đầu. Chiến

thuyền Tây sơn ở phía sau các cù lao đánh ngang hông, chia cắt đôi chiến thuyền ra làm nhiều mảnh để diệt. Súng thần công ở hai bên bờ và trên các cù lao, bắn xả xuống . . . Trận đánh diễn ra ác liệt nhưng kết thúc khá nhanh. Quân Tây sơn hoàn toàn thắng trận. Nguyễn Ánh chạy trốn sang Xiêm. Chiêu Tăng và Chiêu Sương bỏ thuyền lên bờ chạy về Nam vang (Nông pênh). Tất cả chiến thuyền địch bị quân Tây sơn đánh chìm hoặc đánh chiếm. Tàn quân Xiêm lùi theo đường núi rừng lần lượt tụ họp lại. Chiêu Tăng kiểm lại số quân : lúc xuất trận, tất cả quân thủy bộ gồm 5 vạn, nay chỉ còn hơn 1 vạn ! Viên bại tướng Xiêm vô cùng hổ thẹn.

Chiến thắng Rạch găm — Xoài mút, một chiến công lừng lẫy của nhân dân **Đàng Trong** đánh diệt gần 4 vạn quân cướp nước và bán nước, đã làm vẻ vang thêm cho đội quân « áo vải » Tây sơn và người anh hùng nông dân Nguyễn Huệ.

BÀI 28

CUỘC HÀNH QUÂN KỲ DIỆU NĂM NGÀY ĐẦU XUÂN

Sau khi bọn vua Lê chúa Trịnh ở **Đàng Ngoài** bị quân Tây sơn lật đổ, tên vua cuối cùng Lê Chiêu Thống chạy trốn, sai người sang cầu cứu nhà Thanh. Vua Thanh liền nhân cơ hội này, thực hiện âm mưu xâm lược nước ta. Vua Thanh sai Tôn Sĩ Nghị, Sâm Nghị Đồng đem

hơn 20 vạn quân, rầm rộ kéo vào nước ta, nhằm kinh đô Thăng long thẳng tiến.

Trước tình hình đó, Nguyễn Huệ đang đóng ở Phú xuân (Thuận hóa) làm lễ lên ngôi vua, lấy hiệu là **Quang Trung** và quyết định tổ chức một cuộc hành quân ra Bắc để đánh bại bọn xâm lược. Ngày 25 tháng 1 năm 1789 tức 30 tháng chạp âm lịch, ở Tam điệp (giáp giới Thanh hóa và Ninh bình) trước khi xuất quân vua Quang Trung cho làm tiệc khao quân và nói với tướng sĩ rằng :

— Nay hãy làm lễ ăn Tết Nguyên đán trước, đợi đến sang xuân, ngày mồng 7 vào Thăng long, sẽ mở tiệc lớn. Các người hãy ghi nhớ lấy lời ta xem có đúng thề không !

Quang Trung chủ trương hành binh chớp nhoáng, lợi dụng ngày Tết, quân giặc chủ quan, mãi ăn chơi, không phòng bị cẩn thận, đánh một trận quyết liệt khiến chúng trở tay không kịp. Các đạo quân phải giữ hết sức bí mật và tiến thật nhanh chóng. Qua khỏi đèo Tam điệp, quân lính đi gấp rút suốt ngày đêm, không một lúc nào dừng lại ở dọc đường. Vừa đi đường, vừa hò hát động viên nhau ; cứ thế, quân Quang Trung đi rất nhanh.

Ngày đêm hôm ấy, 30 tết, đạo quân chủ lực của Quang Trung vượt sông Đáy, tấn công đồn Gián khẩu do quân Lê Chiêu Thống đóng giữ. Quân Lê hoàn toàn tan vỡ. Trên đường tiến, quân Quang Trung đã bắt sống toàn bộ một toán quân Thanh do thám và tiêu diệt gọn tất cả các đồn quân Thanh nên các đồn địch từ Hà hồi trở về Thăng long, không biết tin tức gì về việc tiến quân của Tây sơn.

Nửa đêm mồng 3 Tết (28-1-1789), quân Tây sơn tiến tới trước đồn *Hà hồi*, một đồn quan trọng của quân Thanh, cách Thăng long 20 cây sô. Quân Thanh trong đồn không hay biết gì. Quang Trung cho vây chặt lũy đồn, bắc loa truyền hịch, quân lính reo vang, như có hàng vạn người chuẩn bị xung phong. Quân Thanh hoảng sợ, mất tinh thần, lũ lượt ra hàng. Quân Tây sơn thu lương thực, khí giới, lấy được đồn Hà hồi không mất một mũi tên, hòn đạn.

Sáng sớm ngày mồng 5 tết (30-1-1789) Quang Trung đưa đạo quân chủ lực tiến đánh đồn Ngọc hồi (cách Thăng long 14 cây sô). Đó là một đồn kiên cố nhât ở mặt trận phía nam Thăng long, quân đông, tướng giỏi, vũ khí nhiều, xung quanh đồn đều đặt địa lôi và cắm chông sắt. Khi hạ lệnh xung phong, Quang Trung buộc khăn vàng vào cổ tổ ý quyết chiến và cưỡi voi ra trận đốc chiến. Đội binh voi của Quang Trung gồm hơn 100 voi chiến rầm rộ xông lên. Kỳ binh Thanh không dám đánh phải bỏ chạy. Quân Thanh cõ thủ trong đồn, bắn đại bác ra dữ dội. Voi chiến chia làm 2 cánh đánh vào 2 sườn địch. Bộ binh chia 2 cánh, một đánh chặn sau đồn, một xung phong trước đồn. Đơn vị xung phong chia thành nhiều toán. Mỗi toán 10 người, mình giắt đoản đao, khiêng một mộc gỗ làm bằng ba tấm ván ghép lại, ngoài có phủ rơm ướt. 20 người cầm vũ khí tiến theo sau bức mộc gỗ. Toàn đơn vị xung phong có 600 người chia thành 20 toán, dàn hàng ngang, tiến vào trận địa. Đại bác trong đồn bắn ra không kết quả. Quân Thanh vội vàng bắn hỏa mù khiến trận địa tối tăm, hòng làm rối loạn hàng ngũ quân Tây sơn. Nhưng hỏa hổ của Tây sơn bắn cháy

rực trời. Quân Tây sơn vẫn ào ạt tiến lên, bắt chập cả đại bác, cung tên và hỏa mù của giặc. Đền sát đồn, quân xung phong bỏ mộc gỗ, phá tan cửa lũy, xông thẳng vào đồn rút đoản đao ra chiến đấu. Quân chủ lực tiến theo sau. Quân Thanh địch không nổi chạy tán loạn, lại bị địa lôi, chông sắt của chúng giết chết. Trong khi đó, các đội voi chiến tiến vào phá tan đồn lũy. Từ trên lưng voi, các chiến sĩ quần khăn đỏ, ngồi ném hỏa hổ ra khắp nơi, đốt cháy quân địch. Đại doanh của địch bị đốt cháy, đồn Ngọc Hồi nằm trong một cơn bão lửa.

Đồn Ngọc Hồi bị tiêu diệt hoàn toàn, tàn binh địch sông sót chạy về phía Thăng long, bị phục binh ta đánh cho tơi tả.

Trong thời gian này, từ ngày hôm trước một đạo quân của Tây sơn, từ phía tây tiến vào Thăng long, đánh vào đồn *Khương thượng* (Đồng đa). Quân Tây sơn bao vây bốn mặt, rồi xông thẳng vào đồn. Trong đêm tối dày đặc, quân Thanh chạy tán loạn, bị trúng tên, đạn hoặc giày xéo lên nhau mà chết, nhiều vô kể. Tướng giặc là Sầm Nghi Đống thấy chông không nổi phải thắt cổ tự tử ở gò *Đồng đa*. Quân Tây sơn tiến vào cửa tây thành Thăng long, kéo đến đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị. Nghị vội lên ngựa, không kịp đóng yên, không kịp mặc giáp, đem toán kỵ binh hầu cận lên qua cầu phao, chạy lên hướng bắc. Quân Thanh nhón nháo chạy theo, chen lẫn nhau qua cầu. Thấy nguy, Nghị tàn bạo hạ lệnh cắt cầu phao, giặc ngã xuống sông chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Bè lũ Lê Chiêu Thống chạy trốn theo quân xâm lược.

Chiều mồng 5 Tết này, Quang Trung vào Thăng long, chiếc chiến bào màu đỏ đã đen xạm màu thuốc súng.

20 vạn quân xâm lược nhà Thanh bị tiêu diệt hoàn toàn, số ít sông sót theo Tôn Sĩ Nghị chạy bán sông bán chết về bên kia biên giới.

Ở kinh thành Thăng long giải phóng, vua Quang Trung cho quân sĩ nghỉ ngơi và chuẩn bị ăn Tết khai hạ, mồng 7 tháng giêng, đúng như lời đã hứa khi còn ở Tam điệp.

Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, đất nước ta đã ghi biết bao thành tích dựng nước và giữ nước hết sức lớn lao. Tổ tiên ta đã sản sinh ra biết bao anh hùng dân tộc vì nước vì dân mà làm nên bao sự nghiệp hiển hách và nói lên bao lời nói lịch sử đầy chân lý. Những sự việc và con người nói trên, đã góp phần làm vẻ vang, rạng rỡ nhân dân ta, dân tộc ta trước đây, hiện nay và cả mai sau.

MỤC LỤC

KỂ CHUYỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM

(Từ xưa đến hết thế kỷ 18)

Trang

A — Vài chuyện kể dân gian về lịch sử :

I— CÁC DÂN TỘC ANH EM TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM

Bài 1.	Trái bầu mẹ	5
Bài 2.	1. Hột lúa thần	7
	2. Trăm trứng nở trăm con	9

II— TỔ TIÊN TA SINH SỐNG

Bài 3.	Bánh chưng, bánh dày	10
--------	----------------------	----

III— TỔ TIÊN TA DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

Bài 4.	Thánh Dồng	13
Bài 5.	Sơn Tinh, Thủy Tinh	15
Bài 6.	Mỵ châu, Trọng Thủy	17

B — Chuyện lịch sử :

IV— ĐẤU TRANH BẮT KHUẤT SUỐT MỘT NGÀN NĂM

Bài 7.	Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa	19
Bài 8.	Triệu Thị Trinh đánh đuổi giặc Ngô	21
Bài 9.	Triệu Quang Phục giữa đầm lầy 4 năm chống địch	23
Bài 10.	Dân nghèo theo Vua Đen khởi nghĩa	25
Bài 11.	Ngô Quyền phá quân Nam Hán trên sông Bạch đằng	28

V— BUỔI ĐẦU XÂY DỰNG VÀ GIỮ GÌN ĐỘC LẬP

Bài 12.	1. Thăng Long ra đời	31
	2. Bản Tuyên ngôn độc lập bằng thơ	33

VI— QUÂN DÂN NHÀ TRẦN ĐÁNH TAN GIẶC NGUYÊN

Bài 13.	Lá cờ thêu sáu chữ vàng	34
Bài 14.	1. Mãi mê nghĩ cách giết giặc	36
	2. Bô lão anh hùng	37
Bài 15.	Cánh tay «Sát thát»	39
Bài 16.	1. Vì nghĩa lớn, bỏ thù riêng	41
	2. «Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu tôi đi đã»	42
Bài 17.	«Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc»	43
Bài 18.	Thái tử nhà Nguyên trong ống đồng	45
Bài 19.	1. Nguyễn Chế Nghĩa đầu quân	46
	2. Yết Kiêu đục thuyền giết giặc	48
Bài 20.	Sông Bạch đằng lại nổi sóng nhận chìm quân cướp nước	49

VII— MUỐI NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MINH

Bài 21.	1. Lam sơn tự nghĩa	52
	2. Thanh kiếm thần kỳ diệu	54
Bài 22.	Rửa nhục cho nước, trả thù cho cha	55
Bài 23.	Lê Lai hy sinh vì nghĩa lớn	57

VIII— NÔNG DÂN KHỞI NGHĨA CHỐNG THÙ TRONG GIẶC NGOÀI

Bài 24.	Dân nghèo nổi dậy theo Quận He đánh lại triều đình	59
Bài 25.	Chàng Lía đánh quan quân chúa Nguyên	61
Bài 26.	1. Nghĩa quân Tây sơn	64
	2. Đánh chiếm thành Qui nhơn	66
Bài 27.	Diệt quân xâm lược Xiêm	67
Bài 28.	Cuộc hành quân kỳ diệu 5 ngày đầu xuân	69

LỊCH SỬ LỚP BỐN PHỔ THÔNG
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG
In 300.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 tại Nhà in
KHẮC HẠNH 318, Võ Văn Tần—Thành phố
Hồ Chí Minh — In xong tháng 7 - 1976.
Nộp lưu chiều tháng 7-1976

Cố gắng học !
Hỏi
đến nhà

g g h
phần giải hổng

nuongmaitruongxua.v

GIÁ : 0,25đ

<https://tieulun.hopto.org>